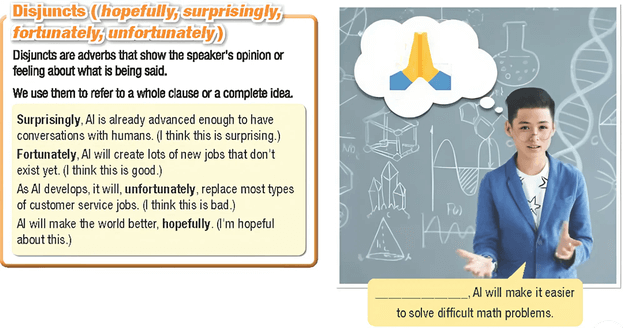
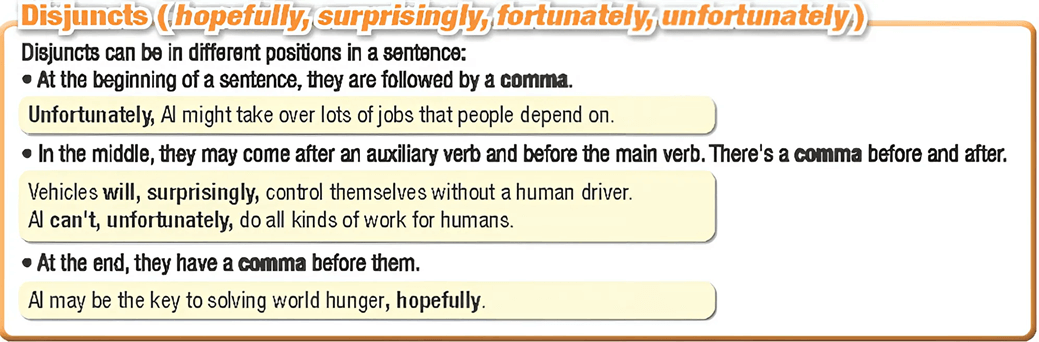
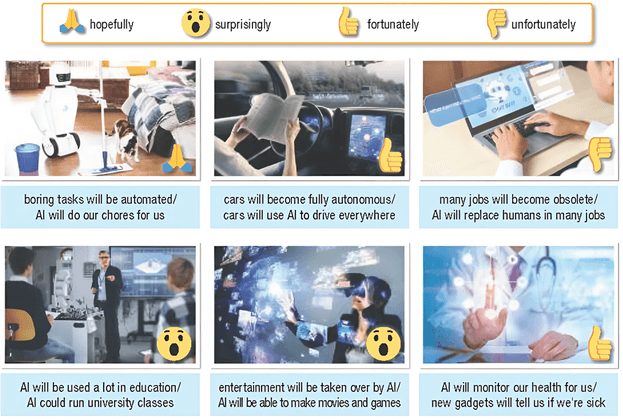
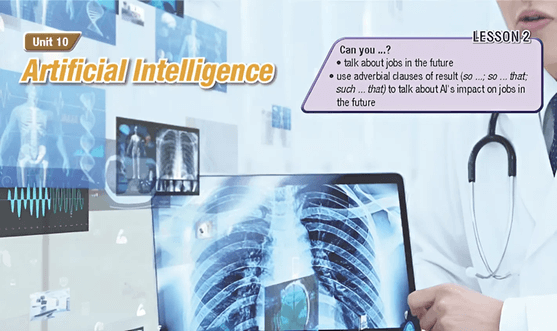
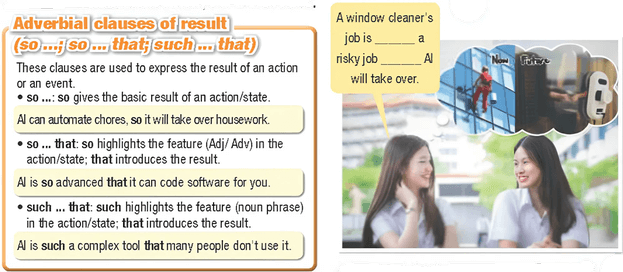
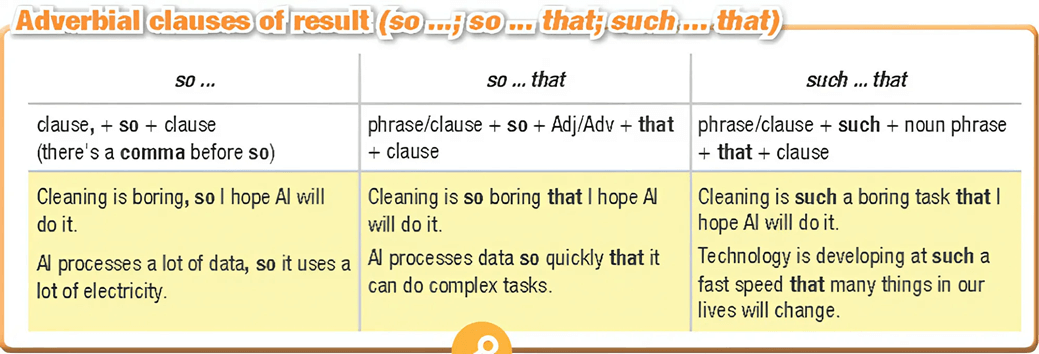
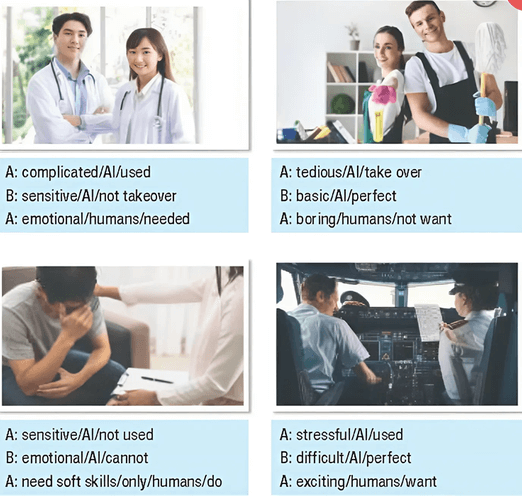
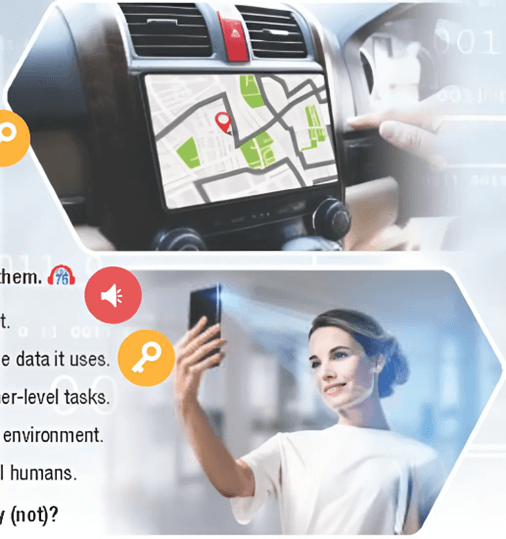
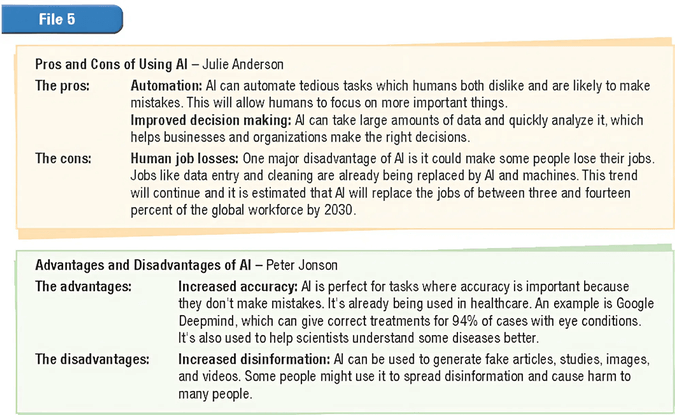
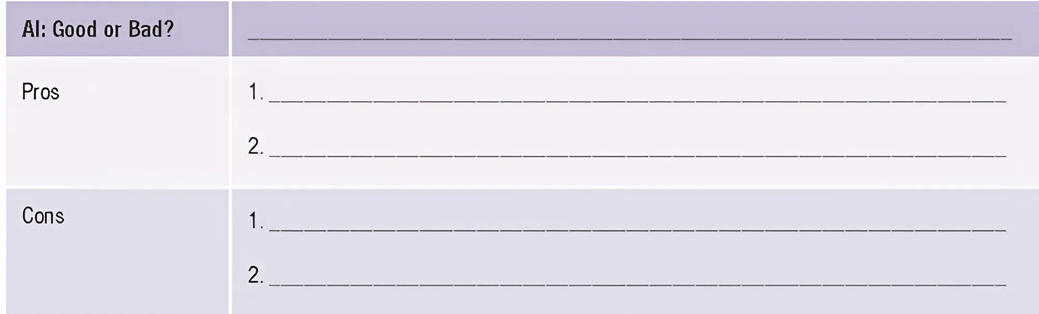
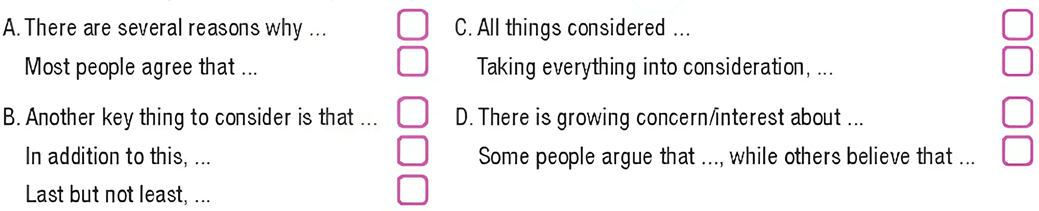
# Unit 10: Artificial Intelligence

**Giải Tiếng Anh lớp 12 Unit 10: Artificial Intelligence - ILearn Smart World**  
**Unit 10 Lesson 1 (trang 109, 110, 111, 112)**  
**Let's Talk! (trang 109 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the picture. What kind of technology is she using? What could she be using it for? (Theo cặp: Quan sát tranh. Cô ấy đang sử dụng loại công nghệ nào? Cô ấy có thể dùng nó để làm gì?)  
  
**Gợi ý:**  
She is using Artificial Intelligence (AI) technology.  
AI-powered virtual assistants like Siri, Alexa, and Google Assistant help users with tasks such as setting reminders, answering questions, and controlling smart home devices. AI-powered chatbots and language translation tools can understand and respond to human language, facilitating communication between people who speak different languages or providing customer support.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Cô ấy đang sử dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI).  
Các trợ lý ảo được hỗ trợ bởi AI như Siri, Alexa và Google Assistant giúp người dùng thực hiện các tác vụ như đặt lời nhắc, trả lời câu hỏi và điều khiển các thiết bị thông minh trong nhà. Các chatbot và công cụ dịch ngôn ngữ được hỗ trợ bởi AI có thể hiểu và phản hồi ngôn ngữ của con người, tạo điều kiện giao tiếp giữa những người nói các ngôn ngữ khác nhau hoặc cung cấp hỗ trợ khách hàng.  
  
**New Words (phần a->c trang 109 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the definitions and fill in the blanks. Listen and repeat.** (Đọc định nghĩa và điền vào chỗ trống. Lắng nghe và lặp lại.)  
**replace** - start to be used instead of the thing or person being used now  
**obsolete** - no longer used because something new has been invented  
**take over** - start doing a job that someone else or something did before  
**gadget** - a useful small tool or machine that usually does something new  
**run** - organize or control something, or cause it to operate  
**autonomous** - describing a machine that can operate without humans controlling it  
**artificial** - made or produced to copy something natural  
**automate** - use machines or computers instead of people to do a task  
1. Some people are worried that AI robots will most of the jobs that humans do now.  
2. We'll definitely have self-driving cars in the future, but at the moment they aren't fully \_\_\_\_\_\_.  
3. Today, if people lose an arm or leg in an injury, doctors can make a new one that is \_\_\_\_\_\_.  
4. The smartphone has made things like cameras, calculators, and maps \_\_\_\_\_\_ for many people.  
5. Soon, factories will \_\_\_\_\_\_ their whole production process, and only robots will do the work.  
6. AI processes a lot of data, and it can \_\_\_\_\_\_ multiple tasks at the same time.  
7. In the future, we probably won't use smartphones. Well have a new \_\_\_\_\_\_ that's even better and more useful.  
8. Experts think that AI robots will \_\_\_\_\_\_ humans more and more as the technology develops.  
CD2-62  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. take over  
  
  
2. autonomous  
  
  
3. artificial  
  
  
4. obsolete  
  
  
  
  
5. automate  
  
  
6. run  
  
  
7. gadget  
  
  
8. replace  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
**thay thế** - bắt đầu được sử dụng thay vì vật hoặc người đang được sử dụng ở hiện tại  
**lỗi thời** - không còn được sử dụng vì một cái gì đó mới đã được phát minh  
**đảm nhận** - bắt đầu thực hiện công việc mà người khác hoặc việc gì đó đã làm trước đây  
**tiện ích** - một công cụ hoặc máy móc nhỏ hữu ích thường làm được điều gì đó mới  
**chạy** - tổ chức hoặc kiểm soát một cái gì đó, hoặc khiến nó hoạt động  
**tự điều khiển** - mô tả một cỗ máy có thể hoạt động mà không cần con người điều khiển  
**nhân tạo** - được chế tạo hoặc sản xuất để sao chép thứ gì đó tự nhiên  
**tự động hóa** - sử dụng máy móc hoặc máy tính thay vì con người để thực hiện một nhiệm vụ  
1. Một số người lo ngại robot AI sẽ hầu hết các công việc mà con người làm hiện nay.  
2. Chắc chắn chúng ta sẽ có ô tô tự lái trong tương lai, nhưng hiện tại chúng chưa hoàn toàn.  
3. Ngày nay, nếu người ta bị mất một cánh tay hoặc một chân do chấn thương, các bác sĩ có thể tạo ra một cánh tay mới.  
4. Điện thoại thông minh đã khiến những thứ như máy ảnh, máy tính và bản đồ trở nên đối với nhiều người.  
5. Chẳng bao lâu nữa, các nhà máy sẽ toàn bộ quy trình sản xuất của họ và chỉ có robot mới thực hiện công việc này.  
6. AI xử lý nhiều dữ liệu và có thể nhiều tác vụ cùng lúc.  
7. Trong tương lai, có lẽ chúng ta sẽ không sử dụng điện thoại thông minh. Chúng ta sẽ có một mới thậm chí còn tốt hơn và hữu ích hơn.  
8. Các chuyên gia cho rằng robot AI sẽ ngày càng con người khi công nghệ phát triển.  
**b. Add the new words and any more AI-related words to the table.** (Thêm các từ mới và bất kỳ từ nào liên quan đến AI vào bảng.)  
  
  
  
  
verbs  
  
  
   
  
  
  
  
nouns  
  
  
   
  
  
  
  
adjectives  
  
  
   
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
verbs  
  
  
replace, take over, run, automate, advance, develop, innovate  
  
  
  
  
nouns  
  
  
gadget, computer, device, technology  
  
  
  
  
adjectives  
  
  
obsolete, autonomous, artificial, intelligent, complex, powerful  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
động từ  
  
  
thay thế, đảm nhận, vận hành, tự động hóa, nâng cao, phát triển, đổi mới  
  
  
  
  
danh từ  
  
  
tiện ích, máy tính, thiết bị, công nghệ  
  
  
  
  
tính từ  
  
  
lỗi thời, tự điều khiển, nhân tạo, thông minh, phức tạp, mạnh mẽ  
  
  
  
  
**c. In pairs: Use the new words to talk about changes in technology that have happened or might happen in the future.** (Theo cặp: Sử dụng những từ mới để nói về những thay đổi về công nghệ đã xảy ra hoặc có thể xảy ra trong tương lai.)  
Electric cars could make fossil fuel cars obsolete. (Ô tô điện có thể khiến ô tô sử dụng nhiên liệu hóa thạch trở nên lỗi thời.)  
**Gợi ý:**  
In recent years, we've seen how smartphones have replaced several standalone gadgets like cameras, calculators, and even maps.  
Advancements in AI could lead to the automation of various tasks, potentially taking over jobs currently done by humans.  
The rise of autonomous machines, powered by sophisticated algorithms, may revolutionize industries such as transportation and manufacturing.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trong những năm gần đây, chúng ta đã thấy điện thoại thông minh đã thay thế một số thiết bị độc lập như máy ảnh, máy tính và thậm chí cả bản đồ như thế nào.  
Những tiến bộ về AI có thể dẫn đến việc tự động hóa nhiều nhiệm vụ khác nhau, có khả năng đảm nhận những công việc hiện đang do con người thực hiện.  
Sự trỗi dậy của máy móc tự động, được hỗ trợ bởi các thuật toán phức tạp, có thể cách mạng hóa các ngành công nghiệp như vận tải và sản xuất.  
  
**Listening (phần a->f trang 110 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You will hear two students talking about how life will change because of AI. Which parts of their lives do you think they'll talk about? Add three more topics.** (Bạn sẽ nghe hai sinh viên nói về việc cuộc sống sẽ thay đổi như thế nào vì AI. Bạn nghĩ họ sẽ nói về những mặt nào trong cuộc sống của họ? Thêm ba chủ đề nữa.)  
1. job/career (công việc/nghề nghiệp)  
2.  
3.  
4.  
**Gợi ý:**  
2. entertainment (giải trí)  
3. housework (việc nhà)  
4. shopping (mua sắm)  
**b. Now, listen and circle the topics above that the students talk about. How many did you guess correctly?** (Bây giờ, hãy nghe và khoanh tròn các chủ đề trên mà học sinh nói đến. Bạn đã đoán đúng bao nhiêu chủ đề?)  
CD2-63  
**Đáp án:**  
job/career, chores/housework, organising daily lives, emailing, shopping, entertainment  
**Hướng dẫn dịch:**  
công việc/nghề nghiệp, việc nhà, tổ chức cuộc sống hàng ngày, gửi email, mua sắm, giải trí  
**Nội dung bài nghe:**  
Beth: Hey, Andy. Artificial intelligence is surely interesting, isn't it? It reminds me of sci-fi movies. Do you think it'll change our lives like in the movies?  
Andy: I don't know if it'll be like the movies, but AI is going to change almost everything in our lives. And unfortunately, I think it's going to automate a lot of jobs.  
Beth: I'm not sure what you mean.  
Andy: AI will replace many human jobs, like customer service one, with robots. Surprisingly, lots of jobs in different industries will become obsolete.  
Beth: But there might be more jobs than before. I heard AI will create lots of new job opportunities, fortunately.  
Andy: Maybe you're right. Hopefully AI will do that and also make our lives easier by doing boring chores like housework.  
Beth: Yeah, if AI can run our lives for us like a personal assistant, then we can focus on more important things. We'll have more time for family instead of replying to emails or cleaning, hopefully.  
Andy: AI is also going to make things like shopping and entertainment more personalized on all our gadgets.  
Beth: Really, how?  
Andy: Do you know how some websites suggest videos or products for you based on what you've watched or bought before. Well, AI will continue to get better at that. And they will do it for all sorts of things.  
Beth: I see what you mean. But we need to make sure AI doesn't become fully autonomous. I mean, it's really convenient, but we don't want it taking over everything.  
Andy: Yeah, I agree.  
**Hướng dẫn dịch bài nghe:**  
Beth: Này, Andy. Trí tuệ nhân tạo chắc chắn rất thú vị phải không? Nó làm tôi nhớ đến những bộ phim khoa học viễn tưởng. Bạn có nghĩ nó sẽ thay đổi cuộc sống của chúng ta như trong phim không?  
Andy: Tôi không biết liệu nó có giống như trong phim hay không, nhưng AI sẽ thay đổi hầu hết mọi thứ trong cuộc sống của chúng ta. Và thật không may, tôi nghĩ nó sẽ tự động hóa rất nhiều công việc.  
Beth: Tôi không hiểu ý bạn lắm.  
Andy: AI sẽ thay thế nhiều công việc của con người, như chăm sóc khách hàng, bằng robot. Điều đáng ngạc nhiên là rất nhiều công việc trong các ngành công nghiệp khác nhau sẽ trở nên lỗi thời.  
Beth: Nhưng có thể sẽ có nhiều việc làm hơn trước. May mắn thay, tôi nghe nói AI sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới.  
Andy: Có lẽ bạn đúng. Hy vọng AI sẽ làm được điều đó và cũng khiến cho cuộc sống của chúng ta dễ dàng hơn bằng cách làm những công việc nhàm chán như việc nhà.  
Beth: Ừ, nếu AI có thể điều hành cuộc sống của chúng ta như một trợ lý cá nhân thì chúng ta có thể tập trung vào những việc quan trọng hơn. Hy vọng chúng ta sẽ có nhiều thời gian hơn cho gia đình thay vì trả lời email hay dọn dẹp.  
Andy: AI cũng sẽ làm cho những thứ như mua sắm và giải trí trở nên cá nhân hóa hơn trên tất cả các thiết bị của chúng ta.  
Beth: Thật sao, bằng cách nào?  
Andy: Bạn có biết một số trang web gợi ý video hoặc sản phẩm cho bạn dựa trên những gì bạn đã xem hoặc mua trước đó không. Chà, AI sẽ tiếp tục cải thiện điều đó. Và nó sẽ làm điều đó đối với mọi thứ.  
Beth: Tôi hiểu ý bạn rồi. Nhưng chúng ta cần đảm bảo AI không trở nên tự chủ hoàn toàn. Ý tôi là, nó thực sự tiện lợi, nhưng chúng ta không muốn nó đảm nhiệm hết mọi thứ.  
Andy: Ừ, tôi đồng ý.  
**c. Listen again and circle the correct answer.** (Nghe lại và khoanh tròn câu trả lời đúng.)  
1. Beth says that artificial intelligence makes her think about \_\_\_\_\_\_\_.  
A. books  
B. movies  
C. TV shows  
D. science class  
2. In which type of job does Andy say AI will replace humans?  
A. cleaning  
B. marketing  
C. customer service  
D. transportation  
3. What does Beth say AI will create?  
A. new products  
B. new gadgets  
C. new problems  
D. new job opportunities  
4. What does Beth say we’ll have more time for because of AI?  
A. hobbies  
B. cleaning  
C. family  
D. traveling  
5. They agree that AI shouldn't \_\_\_\_\_\_\_.  
A. take over everything  
B. be used in schools  
C. be used for cars  
D. replace all human jobs  
CD2-63  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. C  
  
  
3. D  
  
  
4. C  
  
  
5. A  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Beth: Artificial intelligence is surely interesting, isn't it? It reminds me of sci-fi movies. Do you think it'll change our lives like in the movies? (Này, Andy. Trí tuệ nhân tạo chắc chắn rất thú vị phải không? Nó làm tôi nhớ đến những bộ phim khoa học viễn tưởng. Bạn có nghĩ nó sẽ thay đổi cuộc sống của chúng ta như trong phim không?)  
2. Thông tin: Andy: AI will replace many human jobs, like customer service one, with robots. (AI sẽ thay thế nhiều công việc của con người, như chăm sóc khách hàng, bằng robot.)  
3. Thông tin: Beth: But there might be more jobs than before. I heard AI will create lots of new job opportunities, fortunately. (Nhưng có thể sẽ có nhiều việc làm hơn trước. May mắn thay, tôi nghe nói AI sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới.)  
4. Thông tin: Beth: Yeah, if AI can run our lives for us like a personal assistant, then we can focus on more important things. We'll have more time for family instead of replying to emails or cleaning, hopefully. (Ừ, nếu AI có thể điều hành cuộc sống của chúng ta như một trợ lý cá nhân thì chúng ta có thể tập trung vào những việc quan trọng hơn. Hy vọng chúng ta sẽ có nhiều thời gian hơn cho gia đình thay vì trả lời email hay dọn dẹp.)  
5. Thông tin:  
Beth: I see what you mean. But we need to make sure AI doesn't become fully autonomous. I mean, it's really convenient, but we don't want it taking over everything. (Tôi hiểu ý bạn rồi. Nhưng chúng ta cần đảm bảo AI không trở nên tự chủ hoàn toàn. Ý tôi là, nó thực sự tiện lợi, nhưng chúng ta không muốn nó đảm nhiệm hết mọi thứ.)  
Andy: Yeah, I agree. (Ừ, tôi đồng ý.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Beth nói rằng trí tuệ nhân tạo khiến cô ấy nghĩ về \_\_\_\_\_\_\_.  
A. những cuốn sách  
B. các bộ phim  
C. các chương trình truyền hình  
D. lớp khoa học  
2. Andy nói AI sẽ thay thế con người trong loại công việc nào?  
A. dọn dẹp  
B. tiếp thị   
C. chăm sóc khách hàng  
D. vận chuyển  
3. Beth nói AI sẽ tạo ra cái gì?  
A. các sản phẩm mới  
B. các tiện ích mới   
C. các vấn đề mới  
D. các cơ hội việc làm mới  
4. Beth nói rằng nhờ có AI chúng ta sẽ có nhiều thời gian hơn cho điều gì?  
A. sở thích  
B. dọn dẹp  
C. gia đình  
D. du lịch  
5. Họ đồng ý rằng AI không nên \_\_\_\_\_\_\_.  
A. đảm nhiệm hết mọi thứ  
B. được sử dụng trong trường học  
C. được sử dụng cho ô tô  
D. thay thế tất cả công việc của con người  
**d. Read the Conversation Skill box, then listen and repeat.** (Đọc bảng Kỹ năng hội thoại, sau đó nghe và lặp lại.)  
CD2-64  
  
  
  
  
  
**Conversation Skill**  
**Keeping a discussion going**  
To keep a discussion going and show that you do/don't understand something, say:  
*I see what you mean.*  
*I'm not sure what you mean.*  
  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
  
**Kỹ năng hội thoại**  
**Duy trì một cuộc thảo luận**  
Để duy trì cuộc thảo luận và thể hiện rằng bạn hiểu/không hiểu điều gì đó, hãy nói:  
*I see what you mean. (Tôi hiểu ý của bạn.)*  
*I'm not sure what you mean. (Tôi không hiểu ý bạn lắm.)*  
  
  
  
  
  
**e. Now, listen to the conversation again and number the phrases in the correct order.** (Bây giờ, hãy nghe lại đoạn hội thoại và đánh số các cụm từ theo đúng thứ tự.)  
CD2-63  
**Đáp án:**  
2. I see what you mean.  
1. I'm not sure what you mean.  
**Hướng dẫn dịch:**  
2. Tôi hiểu ý của bạn.  
1. Tôi không hiểu ý bạn lắm.  
**f. In pairs: Which things in your life will be different because of AI? Why?** (Theo cặp: Những điều nào trong cuộc sống của bạn sẽ khác đi vì AI? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
Artificial intelligence (AI) is poised to impact various aspects of my life in several ways.  
- First, AI-powered virtual assistants like Siri or Alexa will likely become more integrated into my daily routines, helping with tasks such as scheduling appointments, setting reminders, and providing personalized recommendations based on my preferences.  
- Second, AI-driven automation may streamline processes in my professional life, reducing repetitive tasks and freeing up time for more strategic and creative work. This could lead to increased efficiency and productivity in my job.  
- Third, AI algorithms can analyze vast amounts of data to deliver tailored experiences in areas like entertainment, shopping, and content consumption. As a result, I may receive more personalized recommendations for movies, products, articles, and services based on my interests and past behaviors.  
- Last, AI technologies have the potential to revolutionize healthcare by enabling more accurate diagnoses, personalized treatment plans, and predictive analytics for disease prevention. This could lead to better health outcomes and a more proactive approach to managing my well-being.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trí tuệ nhân tạo (AI) sẵn sàng tác động đến nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống của tôi theo nhiều cách.  
- Đầu tiên, các trợ lý ảo được hỗ trợ bởi AI như Siri hay Alexa có thể sẽ được tích hợp nhiều hơn vào thói quen hàng ngày của tôi, hỗ trợ các công việc như lên lịch hẹn, đặt lời nhắc và đưa ra các đề xuất được cá nhân hóa dựa trên sở thích của tôi.  
- Thứ hai, tính năng tự động hóa do AI điều khiển có thể hợp lý hóa các quy trình trong công việc của tôi, giảm bớt các công việc lặp đi lặp lại và giải phóng thời gian cho công việc mang tính chiến lược và sáng tạo hơn. Điều này có thể khiến cho hiệu quả và năng suất trong công việc của tôi tăng lên.  
- Thứ ba, thuật toán AI có thể phân tích lượng dữ liệu khổng lồ để mang lại trải nghiệm phù hợp trong các lĩnh vực như giải trí, mua sắm và tiếp nhận nội dung. Do đó, tôi có thể nhận được nhiều đề xuất được cá nhân hóa hơn về phim, sản phẩm, bài viết và dịch vụ dựa trên sở thích và hành vi trước đây của tôi.  
- Cuối cùng, công nghệ AI có tiềm năng cách mạng hóa hoạt động chăm sóc sức khỏe bằng cách cho phép chẩn đoán chính xác hơn, kế hoạch điều trị được cá nhân hóa và phân tích dự đoán để phòng bệnh. Điều này có thể dẫn đến kết quả sức khỏe tốt hơn và cách tiếp cận chủ động hơn để quản lý sức khỏe của tôi.  
  
**Grammar (phần a->e trang 110-111 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about disjuncts, then fill in the blank.** (Đọc về định ngữ, sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
Hopefully, AI will make it easier to solve difficult math problems.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Hy vọng AI sẽ giúp việc giải các bài toán khó trở nên dễ dàng hơn.  
  
  
  
  
**Định ngữ (hopefully – hy vọng, surprisingly – ngạc nhiên thay, fortunately – may mắn thay, unfortunately – thật không may)**  
Định ngữ là các trạng từ thể hiện quan điểm hoặc cảm xúc của người nói về điều đang được nhắc đến.  
Chúng ta sử dụng chúng để nhắc tới toàn bộ mệnh đề hoặc một ý hoàn chỉnh.  
**Surprisingly**, AI is already advanced enough to have conversations with humans. (I think this is surprising.)  
(Thật ngạc nhiên, AI đã đủ tiên tiến để có thể trò chuyện với con người. (Tôi nghĩ điều này thật đáng ngạc nhiên.))  
**Fortunately**, AI will create lots of new jobs that don’t exist yet. (I think this is good.)  
(May mắn thay, AI sẽ tạo ra rất nhiều công việc mới chưa từng có. (Tôi nghĩ rằng điều này là tốt.))  
As AI develops, it will, **unfortunately**, replace most types of customer service jobs. (I think this is bad.)  
(Thật không may, khi AI phát triển, nó sẽ thay thế hầu hết các loại công việc chăm sóc khách hàng. (Tôi nghĩ điều này thật tệ.))  
AI will make the world better, **hopefully**. (I'm hopeful about this.)  
(Hy vọng rằng AI sẽ khiến cho thế giới tốt đẹp hơn. (Tôi hy vọng về điều này.))  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-65  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Định ngữ (hopefully – hy vọng, surprisingly – ngạc nhiên thay, fortunately – may mắn thay, unfortunately – thật không may)**  
Định ngữ có thể đứng ở nhiều vị trí khác nhau trong một câu:  
**• Ở đầu câu, theo sau là dấu phẩy.**  
**Unfortunately,** AI might take over lots of jobs that people depend on. (Thật không may, AI có thể đảm nhận rất nhiều công việc mà con người phụ thuộc vào.)  
**• Ở giữa câu, chúng có thể đứng sau trợ động từ và trước động từ chính. Có dấu phẩy trước và sau.**  
Vehicles **will, surprisingly,** control themselves without a human driver. (Thật đáng ngạc nhiên, các phương tiện sẽ tự điều khiển mà không cần người lái.)  
AI **can't, unfortunately,** do all kinds of work for humans. (Thật không may, AI không thể làm mọi việc cho con người.)  
**• Ở cuối câu, có dấu phẩy ở phía trước.**  
AI may be the key to solving world hunger**, hopefully**. (Hy vọng rằng AI có thể là chìa khóa để giải quyết nạn đói trên thế giới.)  
  
  
  
  
**c. Unscramble the sentences to make predictions about AI.** (Sắp xếp lại các câu để đưa ra dự đoán về AI.)  
1. AI / easier. / jobs / Hopefully, / our / make / will  
  
2. AI / changes / will / hopefully. / our / make / lives, / in  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3. cars / there / 2035. / self-driving / by / Surprisingly, / will / be  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4. fortunately, / AI / will, / solve / of / problems. / today's / many  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5. will / We / unfortunately. / predict / what / can't / happen,  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
6. tasks / of / many / daily / our / will / Fortunately. / be / automated.  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
7. do / most / than / human. / can, / a / surprisingly, / AI / better / jobs   
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
1. Hopefully, AI will make our jobs easier.  
2. AI will make changes in our lives, hopefully.  
3. Surprisingly, there will be self-driving cars by 2035.  
4. AI will, fortunately, solve many of today's problems.  
5. We can't predict what will happen, unfortunately.  
6. Fortunately, many of our daily tasks will be automated.  
7. AI can, surprisingly, do most jobs better than a human.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Hy vọng AI sẽ làm cho công việc của chúng ta dễ dàng hơn.  
2. Hy vọng rằng AI sẽ tạo ra nhiều thay đổi trong cuộc sống của chúng ta.  
3. Điều đáng ngạc nhiên là sẽ có ô tô tự lái vào năm 2035.  
4. May mắn thay, AI sẽ giải quyết được nhiều vấn đề ngày nay.  
5. Thật không may, chúng ta không thể đoán trước được điều gì sẽ xảy ra.  
6. May mắn thay, nhiều công việc hàng ngày của chúng ta sẽ được tự động hóa.  
7. Đáng ngạc nhiên là AI có thể thực hiện hầu hết các công việc tốt hơn con người.  
**d. Complete the sentences with the disjunct that shows the correct feeling.** (Hoàn thành các câu với định ngữ thể hiện cảm xúc đúng.)  
1. It’s sad, but many people will have their jobs replaced by AI and machines in the future, .  
2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_, AI will be able to give us all kinds of new gadgets for entertainment. That would be awesome.  
3. I believe AI will, \_\_\_\_\_\_\_\_\_, make many jobs obsolete, which will not be good for society.  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_, I wouldn't mind if artificial intelligence takes over most of our daily lives. It sounds strange, I know.  
5. I wish I didn't have to do housework. \_\_\_\_\_\_\_\_\_, AI will take over boring tasks like cleaning soon.  
6. AI is not fully autonomous, and it still requires humans to run it, so it cant harm humans, \_\_\_\_\_\_\_\_\_,  
7. I'm sure that AI will, \_\_\_\_\_\_\_\_\_, develop medicines for all diseases.   
**Đáp án:**  
  
  
  
  
2. Hopefully  
  
  
3. unfortunately  
  
  
4. Surprisingly  
  
  
  
  
5. Hopefully  
  
  
6. fortunately  
  
  
7. fortunately  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Thật đáng buồn, nhưng không may thay, trong tương lai nhiều công việc thực hiện bởi con người sẽ bị thay thế bởi AI và máy móc.  
2. Hy vọng rằng AI sẽ có thể cung cấp cho chúng ta tất cả các loại tiện ích mới để giải trí. Điều đó sẽ rất tuyệt vời.  
3. Thật không may, tôi tin rằng AI sẽ biến nhiều công việc trở nên lỗi thời, điều này sẽ không tốt cho xã hội.  
4. Tôi biết nghe có vẻ lạ nhưng ngạc nhiên thay, tôi sẽ không bận tâm nếu trí tuệ nhân tạo chiếm phần lớn cuộc sống hàng ngày của chúng ta.  
5. Ước gì tôi không phải làm việc nhà. Hy vọng AI sẽ sớm đảm nhận những công việc nhàm chán như dọn dẹp.  
6. AI không hoàn toàn tự chủ và nó vẫn cần con người vận hành, vì vậy may mắn thay, nó không thể gây hại cho con người.  
7. May mắn thay, tôi chắc chắn rằng AI sẽ phát triển được thuốc chữa mọi bệnh tật.  
**e. In pairs: Make statements about what you think about the future of Al using the prompts.** (Theo cặp: Đặt câu về những gì bạn nghĩ về tương lai của AI bằng các gợi ý.)  
unfortunately (thật không may) surprisingly (ngạc nhiên thay)   
fortunately (may mắn thay) hopefully (hy vọng)  
AI will/won't (AI sẽ/sẽ không)  
take over/replace/automate/create (đảm nhiệm/thay thế/tự động hóa/tạo ra)  
boring/exciting/dangerous/new (nhàm chán/thú vị/nguy hiểm/mới)  
jobs/tasks (công việc/nhiệm vụ)  
Hopefully, AI will take over boring tasks. (Hy vọng AI sẽ đảm nhận những công việc nhàm chán.)  
**Gợi ý:**  
Surprisingly, AI won't completely replace human creativity and innovation in certain fields.  
Fortunately, AI will automate many boring tasks, allowing humans to focus on more creative and fulfilling work.  
Hopefully, AI will create new opportunities and industries, leading to overall economic growth and prosperity.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Đáng ngạc nhiên là AI sẽ không thay thế hoàn toàn sự sáng tạo và đổi mới của con người trong một số lĩnh vực nhất định.  
May mắn thay, AI sẽ tự động hóa nhiều nhiệm vụ nhàm chán, cho phép con người tập trung vào công việc sáng tạo và mang lại niềm vui hơn.  
Hy vọng rằng AI sẽ tạo ra những cơ hội và ngành công nghiệp mới, dẫn tới tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng chung.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 111 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Focus on /eɪ/ sound.** (Tập trung vào âm /eɪ/.)  
**b. Listen to the words and focus on the underlined letters.** (Nghe các từ và tập trung vào các chữ cái được gạch chân.)  
replce, automte, crete  
CD2-66  
**Hướng dẫn dịch:**  
replce /rɪˈpleɪs/ (v): thay thế  
automte /ˈɔː.tə.meɪt/ (v): tự động hóa  
crete /kriˈeɪt/ (v): tạo ra  
**c. Listen and circle the words that you hear.** (Hãy nghe và khoanh tròn những từ bạn nghe được.)  
1. bike/ bake  
2. plane/ plan  
3. take/ tech  
CD2-67  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. bake  
  
  
2. plan  
  
  
3. tech  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. bike /baɪk/ (n): xe đạp  
 bake /beɪk/ (v): nướng  
2. plane /pleɪn/ (n): máy bay  
 plan /plæn/ (v): lên kế hoạch  
3. take /teɪk/ (v): cầm, lấy  
 tech /tek/ (n): công nghệ  
**d. Take turns saying the words in Task c while your partner points to them.** (Lần lượt nói các từ trong Bài tập c trong khi bạn của bạn chỉ vào chúng.)  
  
**Practice (phần a->b trang 112 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns talking about your feelings about how AI will make your life different using the prompts and the symbols.** (Hãy lắng nghe, sau đó lần lượt nói về cảm xúc của bạn về việc AI sẽ làm cho cuộc sống của bạn trở nên khác biệt như thế nào bằng cách sử dụng các gợi ý và biểu tượng cảm xúc.)  
CD2-68  
- Hopefully, boring tasks will be automated. (Hy vọng rằng những công việc nhàm chán sẽ được tự động hóa.)  
- I'm not sure what you mean. (Tôi không hiểu ý bạn lắm.)  
- I mean AI will do our chores for us. (Ý tôi là AI sẽ làm việc nhà cho chúng ta.)  
  
**Gợi ý:**  
A: Fortunately, cars will become fully autonomous.  
B: Really? That's surprising. How will that work?  
A: Well, AI will be used to drive everywhere, making transportation safer and more efficient.  
\*\*\*  
A: Unfortunately, many jobs will become obsolete.  
B: That's concerning. What do you mean?  
A: AI will replace humans in many jobs, especially those that involve repetitive tasks or data processing.  
\*\*\*  
A: Hopefully, AI will be used a lot in education.  
B: That sounds interesting. How would that work?  
A: Well, AI could run university classes, personalizing the learning experience for each student.  
\*\*\*  
A: Surprisingly, entertainment will be taken over by AI.  
B: Really? How so?  
A: AI will be able to make movies and games, creating immersive experiences tailored to individual preferences.  
\*\*\*  
A: Fortunately, AI will monitor our health for us.  
B: That sounds convenient. How will it do that?  
A: New gadgets will tell us if we're sick, providing real-time health monitoring and early detection of medical issues.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: May mắn thay, ô tô sẽ trở nên tự động hoàn toàn.  
B: Thật sao? Thật bất ngờ. Nó sẽ hoạt động như thế nào?  
A: À, AI sẽ được sử dụng để lái xe khắp mọi nơi, giúp việc vận chuyển trở nên an toàn và hiệu quả hơn.  
\*\*\*  
A: Thật không may, nhiều công việc sẽ trở nên lỗi thời.  
B: Điều đó thật đáng lo ngại. Ý bạn là gì?  
A: AI sẽ thay thế con người trong nhiều công việc, đặc biệt là những công việc liên quan đến các nhiệm vụ lặp đi lặp lại hoặc xử lý dữ liệu.  
\*\*\*  
A: Hy vọng AI sẽ được sử dụng nhiều trong giáo dục.  
B: Nghe có vẻ thú vị đấy. Nó sẽ hoạt động như thế nào?  
A: À, AI có thể điều hành các lớp học ở trường đại học, cá nhân hóa trải nghiệm học tập cho từng học sinh.  
\*\*\*  
A: Đáng ngạc nhiên là hoạt động giải trí sẽ được AI đảm nhiệm.  
B: Thật sao? Bằng cách nào vậy?  
A: AI sẽ có thể thiết kế phim và trò chơi, tạo ra những trải nghiệm sống động phù hợp với sở thích cá nhân.  
\*\*\*  
A: May mắn thay, AI sẽ theo dõi sức khỏe của chúng ta.  
B: Nghe có vẻ thuận tiện. Nó sẽ làm điều đó như thế nào?  
A: Các tiện ích mới sẽ cho chúng ta biết liệu chúng ta có bị ốm hay không, cung cấp khả năng theo dõi sức khỏe theo thời gian thực và phát hiện sớm các vấn đề y tế.  
**b. Practice with your own ideas.** (Thực hành với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Hopefully, technology will continue to make communication easier.  
B: That's true. I wonder how it will evolve in the future.  
A: Well, maybe we'll have holographic video calls or instant translation features in real-time.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Hy vọng rằng công nghệ sẽ tiếp tục giúp việc giao tiếp trở nên dễ dàng hơn.  
B: Đúng vậy. Tôi tự hỏi nó sẽ phát triển như thế nào trong tương lai.  
A: Có lẽ chúng ta sẽ có cuộc gọi video ba chiều hoặc tính năng dịch tức thời theo thời gian thực.  
  
**Speaking (phần a->b trang 112 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In pairs: Express your feelings about how AI will make your lives different in each of the categories below.** (Theo cặp: Thể hiện cảm xúc của bạn về việc AI sẽ khiến cuộc sống của bạn trở nên khác biệt như thế nào theo từng khía cạnh dưới đây.)  
job (công việc), home life (cuộc sống gia đình), health (sức khỏe), education (giáo dục), shopping (mua sắm), entertainment (giải trí)  
- Hopefully, AI will make some jobs much easier in the future. (Hy vọng rằng AI sẽ khiến cho một số công việc trở nên dễ dàng hơn nhiều trong tương lai.)  
- AI might, unfortunately, take away our jobs completely. (Thật không may, AI có thể lấy đi hoàn toàn công việc của chúng ta.)  
**Gợi ý:**  
- Job:  
A: Hopefully, AI will make some jobs much easier in the future.  
B: That would be great! It could help us be more efficient and focus on more creative tasks.  
A: Exactly, but I'm also worried that AI might, unfortunately, take away our jobs completely in some industries.  
- Home life:  
A: Hopefully, AI will help us automate household chores, making our lives more convenient.  
B: That would be a relief! It could save us a lot of time and effort.  
A: Agreed, but I also fear that AI might become too intrusive in our personal lives, invading our privacy.  
- Health:  
A: Hopefully, AI will revolutionize healthcare, providing personalized treatment and early disease detection.  
B: That sounds promising! It could greatly improve our quality of life.  
A: True, but I'm concerned that AI might also lead to over-reliance on technology, reducing the importance of human interaction in healthcare.  
- Education:  
A: Hopefully, AI will enhance education by providing personalized learning experiences for students.  
B: That would be fantastic! It could help students learn at their own pace and style.  
A: Absolutely, but I'm also afraid that AI might replace teachers altogether, diminishing the human connection in education.  
- Shopping:  
A: Hopefully, AI will streamline the shopping experience, making it more convenient and efficient.  
B: That would be so convenient! It could save us a lot of time and hassle.  
A: Yes, but I'm worried that AI might also lead to excessive consumerism and loss of traditional shopping experiences.  
- Entertainment:  
A: Hopefully, AI will revolutionize entertainment with immersive experiences and personalized content.  
B: That sounds exciting! It could open up new possibilities for storytelling and creativity.  
A: Indeed, but I'm also concerned that AI might create echo chambers and filter bubbles, limiting our exposure to diverse perspectives in entertainment.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Công việc:  
A: Hy vọng rằng AI sẽ khiến một số công việc trở nên dễ dàng hơn nhiều trong tương lai.  
B: Điều đó sẽ thật tuyệt vời! Nó có thể giúp chúng ta làm việc hiệu quả hơn và tập trung vào những nhiệm vụ sáng tạo hơn.  
A: Chính xác, nhưng tôi cũng lo ngại rằng AI có thể lấy đi hoàn toàn việc làm của chúng ta trong một số ngành.  
- Cuộc sống gia đình:  
A: Hy vọng AI sẽ giúp chúng ta tự động hóa công việc gia đình, giúp cuộc sống của chúng ta thuận tiện hơn.  
B: Sẽ thật là nhẹ nhõm! Nó có thể giúp chúng ta tiết kiệm rất nhiều thời gian và công sức.  
A: Đồng ý, nhưng tôi cũng lo ngại rằng AI có thể xâm phạm quá nhiều vào cuộc sống cá nhân của chúng ta, xâm phạm quyền riêng tư của chúng ta.  
- Sức khỏe:  
A: Hy vọng rằng AI sẽ cách mạng hóa việc chăm sóc sức khỏe, cung cấp phương pháp điều trị cá nhân hóa và phát hiện bệnh sớm.  
B: Nghe có vẻ đầy hứa hẹn! Nó có thể cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống của chúng ta.  
A: Đúng, nhưng tôi lo ngại rằng AI cũng có thể dẫn đến sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ, làm giảm tầm quan trọng của sự tương tác giữa con người với nhau trong chăm sóc sức khỏe.  
- Giáo dục:  
A: Hy vọng rằng AI sẽ nâng cao chất lượng giáo dục bằng cách cung cấp trải nghiệm học tập được cá nhân hóa cho học sinh.  
B: Điều đó thật tuyệt vời! Nó có thể giúp học sinh học theo tốc độ và phong cách riêng của mình.  
A: Đúng vậy, nhưng tôi cũng lo ngại rằng AI có thể thay thế hoàn toàn giáo viên, làm giảm đi sự kết nối giữa con người với nhau trong giáo dục.  
- Mua sắm:  
A: Hy vọng rằng AI sẽ hợp lý hóa trải nghiệm mua sắm, giúp trải nghiệm mua sắm trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn.  
B: Điều đó sẽ rất thuận tiện! Nó có thể giúp chúng ta tiết kiệm rất nhiều thời gian và rắc rối.  
A: Đúng, nhưng tôi lo lắng rằng AI cũng có thể dẫn đến chủ nghĩa tiêu dùng quá mức và đánh mất trải nghiệm mua sắm truyền thống.  
- Giải trí:  
A: Hy vọng rằng AI sẽ cách mạng hóa ngành giải trí với những trải nghiệm phong phú và nội dung được cá nhân hóa.  
B: Nghe có vẻ thú vị đấy! Nó có thể mở ra những khả năng mới cho việc kể chuyện và sáng tạo.  
A: Đúng vậy, nhưng tôi cũng lo ngại rằng AI có thể tạo ra các bong bóng thông tin và bong bóng bộ lọc, hạn chế khả năng tiếp xúc của chúng ta với những góc nhìn đa dạng trong giải trí.  
**b. What things in your daily life do you think you will use AI for? Why?** (Bạn nghĩ mình sẽ sử dụng AI vào những việc gì trong cuộc sống hàng ngày? Tại sao?)  
- Cleaning robots and kitchen appliances will, fortunately, be controlled using AI. (May mắn thay, robot dọn dẹp và thiết bị nhà bếp sẽ được điều khiển bằng AI.)  
- Surprisingly, we’ll use AI for education as it will know exactly what we need to learn. (Đáng ngạc nhiên là chúng ta sẽ sử dụng AI cho giáo dục vì nó sẽ biết chính xác những gì chúng ta cần học.)  
**Gợi ý:**  
Hopefully, AI will assist me in automating mundane tasks like managing emails, organizing schedules, and handling repetitive administrative work. This would free up valuable time for more creative and fulfilling activities.  
Unfortunately, there is a concern that AI may replace certain job functions, leading to job displacement and economic uncertainty for many individuals. While AI can enhance productivity and innovation, it's essential to ensure that workforce reskilling and job creation initiatives are in place to mitigate any negative impacts on employment.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Hy vọng AI sẽ hỗ trợ tôi tự động hóa các công việc đơn giản như quản lý email, sắp xếp lịch trình và xử lý các công việc hành chính lặp đi lặp lại. Điều này sẽ giải phóng thời gian quý báu cho các hoạt động sáng tạo và trọn vẹn hơn.  
Thật không may, có mối lo ngại rằng AI có thể thay thế một số chức năng công việc nhất định, dẫn đến sự dịch chuyển công việc và sự bất ổn về kinh tế đối với nhiều cá nhân. Mặc dù AI có thể nâng cao năng suất và đổi mới, nhưng điều cần thiết là phải đảm bảo rằng các sáng kiến đào tạo lại lực lượng lao động và tạo việc làm được áp dụng để giảm thiểu mọi tác động tiêu cực đến việc làm.  
**Unit 10 Lesson 2 (trang 113, 114, 115, 116)**  
**Let's Talk! (trang 113 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the picture. What's the man's job? How will AI help him with the things he has to do each day? (Theo cặp: Quan sát tranh. Công việc của người đàn ông là gì? AI sẽ giúp anh ấy những việc anh ấy phải làm mỗi ngày như thế nào?)  
  
**Gợi ý:**  
He’s a doctor. AI is used in medical imaging for diagnosing diseases from X-rays, MRIs, and CT scans. It can also analyze patient data to recommend personalized treatment plans.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Anh ấy là bác sĩ. AI được sử dụng trong hình ảnh y học để chẩn đoán bệnh từ chụp X-quang, MRI và CT. Nó cũng có thể phân tích dữ liệu bệnh nhân để đề xuất kế hoạch điều trị được cá nhân hóa.  
  
**New Words (phần a->c trang 113 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the words and definitions, then fill in the blanks. Listen and repeat.** (Đọc các từ và định nghĩa, sau đó điền vào chỗ trống. Lắng nghe và lặp lại.)  
**complicated:** involving lots of different things in a way that's difficult to understand   
**sensitive:** able to understand other people's feelings   
**logical:** correct according to the facts  
**basic:** simple, or at the simplest level  
**emotion:** a strong feeling such as love, anger, or fear  
**repetitive:** saying or doing the same thing many times so it becomes boring  
**soft skills:** personal features that help you communicate well with others  
**tedious:** taking too long to do and not interesting  
1. Building rockets that can fly into space sounds like very work.  
2. I don't like my job at all. I just repeat the same task all day, every day. It's so \_\_\_\_\_\_\_\_.  
3. The old man's shop is very small. He just sells \_\_\_\_\_\_\_\_ supplies like water, rice, and eggs.  
4. Some people get angry very easily, but others stay calm and don't show their \_\_\_\_\_\_\_\_s.  
5. Most employers are looking to hire people with qualifications, experience, and \_\_\_\_\_\_\_\_.  
6. I think job applications are so \_\_\_\_\_\_\_\_. They're so boring, and some take a really long time to complete.  
7. If you need money to eat and live a good life, then you should get a job - it's the \_\_\_\_\_\_\_\_ thing to do.  
8. A good boss is \_\_\_\_\_\_\_\_ to employees' feelings and tries to support them with the difficult parts of their jobs.  
CD2-69  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. complicated  
  
  
2. repetitive  
  
  
3. basic  
  
  
4. emotion  
  
  
  
  
5. soft skills  
  
  
6. tedious  
  
  
7. logical  
  
  
8. sensitive  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
**phức tạp:** liên quan đến nhiều thứ khác nhau một cách khó hiểu  
**nhạy cảm:** có thể hiểu được cảm xúc của người khác  
**hợp lí:** đúng theo sự thật  
**cơ bản:** đơn giản, hoặc ở mức độ đơn giản nhất  
**cảm xúc:** một cảm giác mạnh mẽ như yêu, giận dữ, hoặc sợ hãi  
**lặp đi lặp lại:** nói hoặc làm cùng 1 thứ nhiều lần nên nó trở nên nhàm chán  
**kỹ năng mềm:** những đặc điểm cá nhân giúp bạn giao tiếp tốt với người khác  
**dài dòng:** mất quá nhiều thời gian để làm và không thú vị  
1. Chế tạo tên lửa có thể bay vào vũ trụ nghe có vẻ rất .  
2. Tôi không thích công việc của mình chút nào. Tôi chỉ lặp lại cùng một công việc cả ngày, mỗi ngày. Nó rất .  
3. Cửa hàng của ông già rất nhỏ. Ông chỉ bán những nhu yếu phẩm như nước, gạo và trứng.  
4. Một số người rất dễ nổi giận, nhưng những người khác lại giữ bình tĩnh và không bộc lộ của mình.  
5. Hầu hết các nhà tuyển dụng đều muốn thuê những người có trình độ, kinh nghiệm và .  
6. Tôi nghĩ đơn xin việc quá . Chúng rất nhàm chán và một số mất rất nhiều thời gian để hoàn thành.  
7. Nếu bạn cần tiền để ăn và sống một cuộc sống tốt đẹp thì bạn nên kiếm việc làm - đó là điều nên làm.  
8. Một ông chủ tốt sẽ với cảm xúc của nhân viên và cố gắng hỗ trợ họ những phần khó khăn trong công việc.  
**b. Add the words in the box to the table.** (Thêm các từ trong hộp vào bảng.)  
  
  
  
  
soldier, logical, complicated, tedious, basic, sensitive, dangerous, scientist, engineer, accountant, cashier, teacher, creative, skilled, soccer player, artist  
  
  
  
  
   
  
  
  
  
jobs  
  
  
   
  
  
  
  
descriptions  
  
  
   
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
jobs  
  
  
soldier, scientist, engineer, accountant, cashier, teacher, artist, soccer player  
  
  
  
  
descriptions  
  
  
dangerous, logical, complicated, tedious, basic, sensitive, creative, skilled  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
công việc  
  
  
người lính, nhà khoa học, kỹ sư, kế toán, nhân viên thu ngân, giáo viên, nghệ sĩ, cầu thủ bóng đá  
  
  
  
  
mô tả  
  
  
nguy hiểm, hợp lý, phức tạp, tẻ nhạt, cơ bản, nhạy cảm, sáng tạo, lành nghề  
  
  
  
  
**c. In pairs: Use the new words to talk about jobs that you know.** (Theo cặp: Sử dụng những từ mới để nói về các công việc mà bạn biết.)  
- A teacher's job is sensitive because it's important to understand students' feelings. (Công việc của giáo viên rất nhạy cảm vì việc hiểu được cảm xúc của học sinh là điều quan trọng.)  
- An engineer's job is complicated because there are so many things you need to know. (Công việc của kỹ sư rất phức tạp vì có rất nhiều điều bạn cần biết.)  
**Gợi ý:**  
Graphic designers need to come up with innovative and visually appealing designs for various projects.  
Software engineers require specialized skills and knowledge to develop complex software applications.  
Accountants need to apply logical thinking and analytical skills when dealing with financial data and statements.  
Firefighters face hazardous situations regularly while responding to emergencies and rescuing people from fires and other disasters.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Nhà thiết kế đồ họa cần đưa ra những thiết kế sáng tạo và đẹp về mặt trực quan cho các dự án khác nhau.  
Kỹ sư phần mềm đòi hỏi những kỹ năng và kiến thức chuyên môn để phát triển các ứng dụng phần mềm phức tạp.  
Kế toán viên cần vận dụng tư duy logic và kỹ năng phân tích khi xử lý các số liệu và báo cáo tài chính.  
Lính cứu hỏa thường xuyên phải đối mặt với các tình huống nguy hiểm trong khi ứng phó với các trường hợp khẩn cấp và cứu người khỏi hỏa hoạn và các thảm họa khác.  
  
**Reading (phần a->d trang 114 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the magazine article and choose the best title.** (Đọc bài báo trên tạp chí và chọn tiêu đề hay nhất.)  
1. AI: Impact on Jobs (AI: Tác động đến các công việc)  
2. AI: Better at All Jobs (AI: Tốt hơn trong mọi công việc)  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
We've all heard that AI and robots will take over lots of jobs in the future, but which ones exactly? Let's look at the types of jobs that AI is most and least likely to do in the coming years.  
**Dangerous, simple, and boring jobs**  
AI is perfect for work that can be very dangerous for humans. Risky jobs, like being a soldier, will be done by AI robots in the future. Also, some jobs are very tiring and tedious, but AI is great for repetitive work since it never gets bored or needs a break. This means AI will definitely take over basic jobs like factory work or cleaning.  
**Difficult jobs**  
AI can be quickly programmed for work that requires a lot of knowledge and would take a human years of training, like computer programming or banking. However, not all difficult jobs can be done by AI. Some need more than just intelligence. For example, being a doctor requires both having a lot of knowledge and being sensitive to human emotions. AI can help with this, but not take over completely.  
**"Soft skill" jobs**  
Finally, some jobs are all about emotions and having with people, and for this type of work, AI can't be used. AI can sound happy and polite when it speaks, but it can't feel or show real emotions. Jobs like counselor or social work require real human feelings. This type of work needs far more soft skills than just sounding friendly, so AI won't be used. In the future, AI will be used in many ways to make our lives better and easier. However, this means that some people may lose their jobs. Understanding this can help us choose the best careers for a successful future.  
**Đáp án:**  
1. AI: Impact on Jobs (AI: Tác động đến các công việc)  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tất cả chúng ta đều đã nghe nói rằng AI và robot sẽ đảm nhận rất nhiều công việc trong tương lai, nhưng chính xác thì đó là những công việc nào? Hãy xem xét những loại công việc mà AI có nhiều khả năng và ít có khả năng làm nhất trong những năm tới.  
**Các công việc nguy hiểm, đơn giản và nhàm chán**  
AI hoàn hảo cho những công việc có thể rất nguy hiểm đối với con người. Những công việc mạo hiểm như làm lính sẽ được thực hiện bởi robot AI trong tương lai. Ngoài ra, một số công việc rất mệt mỏi và tẻ nhạt, nhưng AI rất phù hợp với những công việc lặp đi lặp lại vì nó không bao giờ nhàm chán hoặc cần nghỉ ngơi. Điều này có nghĩa là AI chắc chắn sẽ đảm nhiệm các công việc cơ bản như làm việc tại nhà máy hay dọn dẹp.  
**Các công việc khó khăn**  
AI có thể được lập trình nhanh chóng cho những công việc đòi hỏi nhiều kiến thức và sẽ mất nhiều năm đào tạo của con người, như lập trình máy tính hoặc ngân hàng. Tuy nhiên, không phải mọi công việc khó khăn đều có thể được thực hiện bởi AI. Một số công việc không chỉ yêu cầu mỗi trí thông minh. Ví dụ, làm bác sĩ đòi hỏi vừa phải có nhiều kiến thức, vừa phải nhạy cảm với cảm xúc của con người. AI có thể trợ giúp công việc này nhưng không thể đảm nhận hoàn toàn.  
**Các công việc “kỹ năng mềm”**  
Cuối cùng, một số công việc chỉ xoay quanh cảm xúc và sự kết nối với con người, và đối với loại công việc này, AI không thể được ứng dụng. AI có thể có giọng điệu vui vẻ và lịch sự khi nói chuyện nhưng nó không thể cảm nhận hoặc thể hiện cảm xúc thực sự. Những công việc như cố vấn hay công tác xã hội đòi hỏi những cảm xúc thực sự của con người. Loại công việc này cần nhiều kỹ năng mềm hơn là chỉ nghe giọng điệu thân thiện nên AI sẽ không được ứng dụng. Trong tương lai, AI sẽ được sử dụng theo nhiều cách để giúp cuộc sống của chúng ta tốt hơn và dễ dàng hơn. Tuy nhiên, điều này có nghĩa là một số người có thể bị mất việc. Hiểu được điều này có thể giúp chúng ta lựa chọn nghề nghiệp tốt nhất cho một tương lai thành công.  
**b. Now, read and choose the correct answers.** (Bây giờ hãy đọc và chọn câu trả lời đúng.)  
1. Why is AI perfect for tedious jobs?  
A. It never gets bored.  
B. It likes boring jobs.  
C. It works faster.  
2. Which of the following can be inferred from the article?  
A. AI can only do what it’s programmed to do.  
B. AI can learn human emotions.  
C. AI is sensitive.  
3. The word in the article is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. contacts  
B. relationships  
C. combinations  
4. What can't AI do according to the article?  
A. act polite and friendly  
B. do dangerous jobs  
C. perform jobs that need feelings  
5. Which of the following is NOT true according to the article?  
A. AI will be used in complicated jobs.  
B. AI will take over simple jobs.   
C. AI will take over sensitive jobs.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. A  
  
  
3. B  
  
  
4. C  
  
  
5. C  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Also, some jobs are very tiring and tedious, but AI is great for repetitive work since it never gets bored or needs a break. This means AI will definitely take over basic jobs like factory work or cleaning. (Ngoài ra, một số công việc rất mệt mỏi và tẻ nhạt, nhưng AI rất phù hợp với những công việc lặp đi lặp lại vì nó không bao giờ nhàm chán hoặc cần nghỉ ngơi. Điều này có nghĩa là AI chắc chắn sẽ đảm nhiệm các công việc cơ bản như làm việc tại nhà máy hay dọn dẹp.)  
2. Thông tin: AI can be quickly programmed for work that requires a lot of knowledge and would take a human years of training, like computer programming or banking. However, not all difficult jobs can be done by AI. Some need more than just intelligence. For example, being a doctor requires both having a lot of knowledge and being sensitive to human emotions. AI can help with this, but not take over completely. (AI có thể được lập trình nhanh chóng cho những công việc đòi hỏi nhiều kiến thức và sẽ mất nhiều năm đào tạo của con người, như lập trình máy tính hoặc ngân hàng. Tuy nhiên, không phải mọi công việc khó khăn đều có thể được thực hiện bởi AI. Một số công việc không chỉ yêu cầu mỗi trí thông minh. Ví dụ, làm bác sĩ đòi hỏi vừa phải có nhiều kiến thức, vừa phải nhạy cảm với cảm xúc của con người. AI có thể trợ giúp công việc này nhưng không thể đảm nhận hoàn toàn.)  
3. Thông tin: Finally, some jobs are all about emotions and having with people, and for this type of work, AI can't be used. (Cuối cùng, một số công việc chỉ xoay quanh cảm xúc và với con người, và đối với loại công việc này, AI không thể được ứng dụng.)  
4. Thông tin: Finally, some jobs are all about emotions and having with people, and for this type of work, AI can't be used. AI can sound happy and polite when it speaks, but it can't feel or show real emotions. (Cuối cùng, một số công việc chỉ xoay quanh cảm xúc và sự kết nối với con người, và đối với loại công việc này, AI không thể được ứng dụng. AI có thể có giọng điệu vui vẻ và lịch sự khi nói chuyện nhưng nó không thể cảm nhận hoặc thể hiện cảm xúc thực sự.)  
5. Thông tin: Jobs like counselor or social work require real human feelings. This type of work needs far more soft skills than just sounding friendly, so AI won't be used. (Những công việc như cố vấn hay công tác xã hội đòi hỏi những cảm xúc thực sự của con người. Loại công việc này cần nhiều kỹ năng mềm hơn là chỉ nghe giọng điệu thân thiện nên AI sẽ không được ứng dụng.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tại sao AI lại hoàn hảo cho những công việc tẻ nhạt?  
A. Nó không bao giờ cảm thấy chán.  
B. Nó thích những công việc nhàm chán.  
C. Nó làm việc nhanh hơn.  
2. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài viết?  
A. AI chỉ có thể làm những gì nó được lập trình để làm.  
B. AI có thể học được cảm xúc của con người.  
C. AI rất nhạy cảm.  
3. Từ trong bài có nghĩa gần nhất với \_\_\_\_\_\_\_.  
A. liên lạc  
B. mối quan hệ  
C. sự kết hợp  
4. AI không thể làm gì theo bài viết?  
A. cư xử lịch sự và thân thiện  
B. làm những công việc nguy hiểm  
C. thực hiện những công việc cần đến cảm xúc  
5. Điều nào sau đây KHÔNG đúng theo bài viết?  
A. AI sẽ được sử dụng trong những công việc phức tạp.  
B. AI sẽ đảm nhận những công việc đơn giản.  
C. AI sẽ đảm nhận những công việc nhạy cảm.  
**c. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-70  
**d. In pairs: Which type of job do you think AI will take over first? Why?** (Làm theo cặp: Bạn nghĩ AI sẽ đảm nhận loại công việc nào đầu tiên? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
AI is most likely to take over tedious and repetitive jobs first. This is because AI excels at tasks that require high levels of repetition and can work continuously without getting bored or needing breaks. Jobs such as factory work or cleaning involve repetitive tasks that can be automated efficiently by AI, leading to increased productivity and efficiency. Additionally, these jobs often pose risks to human workers, making them ideal candidates for automation with Al to ensure safety in the workplace.  
**Hướng dẫn dịch:**  
AI có nhiều khả năng đảm nhận những công việc tẻ nhạt và lặp đi lặp lại trước tiên. Điều này là do AI xuất sắc trong những nhiệm vụ đòi hỏi mức độ lặp lại cao và có thể làm việc liên tục mà không cảm thấy nhàm chán hay cần nghỉ ngơi. Các công việc như làm việc tại nhà máy hoặc dọn dẹp bao gồm các nhiệm vụ lặp đi lặp lại có thể được AI tự động hóa một cách hiệu quả, dẫn đến tăng năng suất và hiệu quả. Ngoài ra, những công việc này thường gây rủi ro cho con người, khiến chúng trở thành ứng cử viên lý tưởng cho việc tự động hóa bằng AI nhằm đảm bảo an toàn tại nơi làm việc.  
  
**Grammar (phần a->e trang 114-115 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about adverbial clauses of result, then fill in the blanks.** (Đọc về mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả, sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
A window cleaner's job is such a risky job that AI will take over.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Công việc lau cửa sổ là một công việc đầy rủi ro mà AI sẽ đảm nhận.  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả (so ...; so ... that; such ... that)**   
Mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả được dùng để diễn tả kết quả của một hành động hoặc một sự việc.   
• **so ...:** **so** đưa ra kết quả cơ bản của một hành động/trạng thái  
AI can automate chores, **so** it will take over housework. (AI có thể tự động hóa công việc nên nó sẽ đảm nhiệm việc nhà.)  
• **so ... that: so** làm nổi bật đặc điểm (tính từ/trạng từ) trong hành động/trạng thái; **that** giới thiệu kết quả.  
AI is **so** advanced **that** it can code software for you. (AI quá tiên tiến đến mức có thể viết mã phần mềm cho bạn.)  
• **such ... that: such** làm nổi bật đặc điểm (cụm danh từ) trong hành động/trạng thái; **that** giới thiệu kết quả.  
AI is **such** a complex tool **that** many people don't use it. (AI là một công cụ quá phức tạp đến mức nhiều người không sử dụng nó.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-71  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả (so ...; so ... that; such ... that)**   
  
  
  
  
**so ...**  
  
  
**so … that**  
  
  
**such … that**  
  
  
  
  
mệnh đề, + **so** + mệnh đề (có dấu phẩy trước **so**)   
  
  
cụm từ/mệnh đề + **so** + Tính từ/Trạng từ + **that** + mệnh đề  
  
  
cụm từ/mệnh đề + **such** + cụm danh từ + **that** + mệnh đề  
  
  
  
  
Cleaning is boring, **so** I hope AI will do it. (Dọn dẹp thật nhàm chán nên tôi hy vọng AI sẽ làm việc đó.)  
AI processes a lot of data, **so** it uses a lot of electricity. (AI xử lý rất nhiều dữ liệu nên sử nó tốn rất nhiều điện.)   
  
  
Cleaning is **so** boring **that** I hope AI will do it. (Dọn dẹp quá nhàm chán đến nỗi tôi hy vọng AI sẽ làm điều đó.)  
AI processes data **so** quickly **that** it can do complex tasks. (AI xử lý dữ liệu quá nhanh đến mức nó có thể thực hiện nhiều nhiệm vụ phức tạp.)   
  
  
Cleaning is **such** a boring task **that** I hope AI will do it. (Dọn dẹp quá nhàm chán đến nỗi tôi hy vọng AI sẽ làm điều đó.)  
Technology is developing at **such** a fast speed **that** many things in our lives will change. (Công nghệ đang phát triển với tốc độ quá nhanh đến mức nhiều thứ trong cuộc sống của chúng ta sẽ thay đổi.)  
  
  
  
  
**c. Fill in the blanks using the words in brackets.** (Điền vào chỗ trống sử dụng từ trong ngoặc.)  
1. A delivery driver's job \_\_\_\_\_\_\_\_ AI will take over. (basic job)  
2. Cleaning floors \_\_\_\_\_\_\_\_ people don't like doing it. (tedious)  
3. Writing an email \_\_\_\_\_\_\_\_ so AI should do it. (boring)  
4. A doctor's work \_\_\_\_\_\_\_\_ they need to study hard. (complex)  
5. Writing code \_\_\_\_\_\_\_\_ so AI will do it in future. (complicated)  
6. Math problems \_\_\_\_\_\_\_\_ AI could do them much faster. (logical tasks)  
7. Window cleaning \_\_\_\_\_\_\_\_ humans won't do it. (risky work)  
**Đáp án:**  
1. A delivery driver's job is such a basic job that AI will take over.  
2. Cleaning floors is so tedious that people don't like doing it.  
3. Writing an email is boring, so AI should do it.  
4. A doctor's work is so complex that they need to study hard.  
5. Writing code is complicated, so AI will do it in future.  
6. Math problems are such logical tasks that AI could do them much faster.  
7. Window cleaning is such risky work that humans won't do it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Công việc của tài xế giao hàng là công việc quá cơ bản cho nên AI sẽ đảm nhận.  
2. Việc lau sàn nhà quá tẻ nhạt đến mức mọi người không thích làm việc đó.  
3. Viết email thật nhàm chán, vì vậy AI nên làm việc đó.  
4. Công việc của bác sĩ quá phức tạp cho nên họ cần phải học tập chăm chỉ.  
5. Viết mã lập trình rất phức tạp nên AI sẽ làm việc đó trong tương lai.  
6. Các bài toán là quá logic cho nên AI có thể giải chúng nhanh hơn nhiều.  
7. Lau cửa sổ là công việc quá nguy hiểm đến mức con người sẽ không làm việc đó.  
**d. Read the sentences and fill in the blanks with so ... that or such ... that and a phrase from the box.** (Đọc các câu và điền vào chỗ trống với so... that hoặc such... that và một cụm từ trong khung.)  
  
  
  
  
  
fun work sensitive job dangerous boring complicated tasks simple  
  
  
  
  
  
1. A cleaner's job is \_\_\_\_\_\_\_\_ AI could easily do it.  
2. Math problems are \_\_\_\_\_\_\_\_ many people can't do them  
3. Flying fighter jets is \_\_\_\_\_\_\_\_ pilots wear parachutes.  
4. A counselor's job is \_\_\_\_\_\_\_\_ only a human can do it.  
5. An accountant’s job is \_\_\_\_\_\_\_\_ it's perfect for AI.  
6. Training dolphins is \_\_\_\_\_\_\_\_ lots of people would like to do it.  
**Đáp án:**  
1. A cleaner's job is so simple that AI could easily do it.  
2. Math problems are such complicated tasks that many people can't do them.  
3. Flying fighter jets is so dangerous that pilots wear parachutes.  
4. A counselor's job is such a sensitive job that only a human can do it.  
5. An accountant’s job is so boring that it's perfect for AI.  
6. Training dolphins is such fun work that lots of people would like to do it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Công việc của người dọn dẹp quá đơn giản đến mức AI có thể dễ dàng làm được.  
2. Các bài toán là quá phức tạp đến mức nhiều người không làm được.  
3. Bay máy bay chiến đấu phản lực quá nguy hiểm đến mức phi công phải mặc dù.  
4. Công việc của người tư vấn cần nhiều sự nhạy cảm đến mức chỉ con người mới có thể làm được.  
5. Công việc của kế toán viên quá nhàm chán đến mức nó hoàn hảo cho AI.  
6. Huấn luyện cá heo là một công việc quá thú vị nên rất nhiều người muốn làm.  
**e. In pairs: Talk about jobs and AI using the prompts below.** (Nói về các công việc và AI bằng cách sử dụng các gợi ý bên dưới.)  
Engineering is such complex work that AI will be used. (Kỹ thuật là công việc quá phức tạp đến mức AI sẽ được ứng dụng.)  
engineering/complex/work/AI/will/used  
cleaner's job/ basic/job/AI/take over  
accountant's job/boring/AI/will/take over  
counseling/someone/emotional/task/AI/won't/used   
**Gợi ý:**  
Engineering is such a complex work that AI will be used.  
A cleaner's job is such a basic job that AI will take over.  
An accountant's job is so boring that AI will take over.  
Counseling someone is such an emotional task that AI won't be used.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Kỹ thuật là một công việc quá phức tạp nên AI sẽ được ứng dụng.  
Công việc của người dọn dẹp là công việc quá cơ bản nên AI sẽ đảm nhiệm.  
Công việc của kế toán quá nhàm chán nên AI sẽ đảm nhiệm.  
Tư vấn cho ai đó là một nhiệm vụ quá cảm xúc nên AI sẽ không được ứng dụng.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 115 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Focus on the /pl/ sound.** (Tập trung vào âm /pl/.)   
**b. Listen. Notice the sounds of the underlined letters.** (Nghe. Chú ý âm thanh của các chữ cái được gạch chân.)  
comete, comicated, comex  
CD2-72  
**Hướng dẫn dịch:**  
comete /kəmˈpliːt/ (v): hoàn thành  
comicated /ˈkɒm.plɪ.keɪ.tɪd/ (adj): phức tạp  
comex /ˈkɒm.pleks/ (adj): phức tạp  
**c. Listen and circle the words that you hear.** (Hãy nghe và khoanh tròn những từ bạn nghe được.)  
1. compete / complete   
2. pace / place  
3. play / pay  
CD2-73  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. complete  
  
  
2. pace  
  
  
3. play  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. compete /kəmˈpiːt/ (v): cạnh tranh  
 complete /kəmˈpliːt/ (v): hoàn thành   
2. pace /peɪs/ (n): tốc độ  
 place /pleɪs/ (n): địa điểm  
3. play /pleɪ/ (v): chơi   
 pay /peɪ/ (v): trả tiền  
**d. Take turns saying the words in Task c while your partner points to them.** (Lần lượt nói các từ trong Bài tập c trong khi bạn của bạn chỉ vào chúng.)  
  
**Practice (phần a->b trang 116 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then discuss AI's impact on the jobs below using the pictures and prompts.** (Nghe, sau đó thảo luận về tác động của AI đối với các công việc bên dưới bằng cách sử dụng hình ảnh và gợi ý.)  
CD2-74  
- What will AI’s impact be on being a doctor? (Tác động của AI sẽ như thế nào đối với việc trở thành bác sĩ?)  
- A doctor's job is such a complicated job that AI will be used. (Công việc của bác sĩ quá phức tạp đến mức AI sẽ được ứng dụng.)  
- Yes, but it’s such a sensitive job that AI won’t take over. (Đúng vậy, nhưng đó là một công việc cần quá nhiều sự nhạy cảm nên AI sẽ không đảm nhận được.)  
- Sure. Being a doctor is such emotional work that humans will be needed. (Chắc chắn rồi. Làm bác sĩ là một công việc cần quá nhiều cảm xúc nên sẽ cần tới con người.)  
  
**Gợi ý:**  
A: What will AI’s impact be on being a cleaner?  
B: Cleaning is such a tedious job that AI will take over.  
A: Yes, and it’s such a basic job that AI will do it perfectly.  
B: Sure. Cleaning is such a boring job that humans won’t want to do it.  
\*\*\*  
A: What will AI’s impact be on being a counselor?  
B: Counseling is such a sensitive job that AI will not be used.  
A: Yes, and it’s such an emotional job that AI cannot take over.  
B: Sure. Counseling requires such soft skills that only humans can do it.  
\*\*\*  
A: What will AI’s impact be on being a pilot?  
B: Being a pilot is such a stressful job that AI will be used.  
A: Yes, and it’s such a difficult job that AI will do it perfectly.  
B: Sure. Being a pilot is such an exciting job that humans will want to do it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Tác động của AI đối với việc trở thành người dọn dẹp là gì?  
B: Dọn dẹp là một công việc quá tẻ nhạt nên AI sẽ đảm nhận.  
A: Đúng vậy, và đó là công việc quá cơ bản nên AI sẽ thực hiện nó một cách hoàn hảo.  
B: Chắc chắn rồi. Dọn dẹp là một công việc quá nhàm chán đến mức con người sẽ không muốn làm.  
\*\*\*  
A: Tác động của AI đối với việc trở thành người cố vấn là gì?  
B: Cố vấn là một công việc cần nhiều sự nhạy cảm nên AI sẽ không được ứng dụng.  
A: Đúng vậy, và đó là một công việc cần nhiều tới cảm xúc nên AI không thể đảm nhận được.  
B: Chắc chắn rồi. Tư vấn đòi hỏi quá nhiều kỹ năng mềm đến nỗi chỉ con người mới có thể làm được.  
\*\*\*  
A: Tác động của AI đối với việc trở thành phi công là gì?  
B: Trở thành phi công là một công việc quá căng thẳng cho nên AI sẽ được ứng dụng.  
A: Đúng vậy, và đó là một công việc quá khó khăn cho nên AI sẽ thực hiện nó một cách hoàn hảo.  
B: Chắc chắn rồi. Trở thành phi công là một công việc quá thú vị đến nỗi con người sẽ muốn làm điều đó.  
**b. Practice using your own ideas.** (Thực hành sử dụng ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Do you think AI will have an impact on customer service jobs?  
B: Definitely. With AI becoming more advanced, it's likely that it will take over some basic customer service tasks.  
A: That's true. AI can handle repetitive tasks such as answering common inquiries or processing transactions.  
B: However, customer service is also about building connections and empathy, which AI might struggle with.  
A: Exactly. While AI can provide efficient service, it may not be able to understand and respond to human emotions as effectively as humans can.  
B: That's why I think there will always be a need for human customer service representatives who can provide personalized assistance and empathetic support.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn có nghĩ AI sẽ có tác động đến các công việc chăm sóc khách hàng không?  
B: Chắc chắn rồi. Với việc AI ngày càng tiên tiến hơn, có khả năng nó sẽ đảm nhiệm một số công việc chăm sóc khách hàng cơ bản.  
A: Đúng vậy. AI có thể xử lý các tác vụ lặp đi lặp lại như trả lời các câu hỏi hay gặp hoặc xử lý các giao dịch.  
B: Tuy nhiên, chăm sóc khách hàng cũng liên quan đến việc xây dựng sự kết nối và đồng cảm, điều mà AI có thể gặp khó khăn.  
A: Chính xác. Mặc dù AI có thể cung cấp dịch vụ hiệu quả nhưng nó có thể không hiểu và phản hồi cảm xúc của con người một cách hiệu quả như con người.  
B: Đó là lý do tại sao tôi nghĩ sẽ luôn cần có những đại diện chăm sóc khách hàng là con người, những người có thể mang lại sự hỗ trợ cá nhân hóa và biết đồng cảm.  
  
**Speaking (phần a->b trang 116 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
AI AND FUTURE OPPORTUNITIES  
**a. What will AI's impact on jobs and work be? In pairs: Describe features of the jobs and work below and say if AI won't be used in, will be used in, or will take over each job.** (Tác động của AI tới các nghề nghiệp và công việc sẽ như thế nào? Theo cặp: Mô tả đặc điểm của các nghề nghiệp và công việc dưới đây và cho biết liệu AI có được ứng dụng, không được ứng dụng hay sẽ đảm nhận từng công việc hay không.)  
policing the city (kiểm soát an ninh thành phố) soldier (bộ đội)   
teacher (giáo viên) washing a motorbike (rửa xe máy)   
engineer (kĩ sư) coding (mã hóa)  
- Policing the city is such difficult work that AI will be used in the future. (Kiểm soát an ninh thành phố là một công việc quá khó khăn nên AI sẽ được ứng dụng trong tương lai.)  
- Yes, I agree, but it’s such sensitive work that AI won't take over. (Đúng, tôi đồng ý, nhưng đó là công việc cần quá nhiều sự nhạy cảm nên AI sẽ không thể đảm nhận được.)  
- That's right. A police officer's job can be such an emotional job that humans will always be needed. (Đúng rồi. Công việc của cảnh sát có thể là một công việc cần nhiều cảm xúc nên luôn cần đến con người.)  
**Gợi ý:**  
- Soldier:  
A: Being a soldier is such a demanding and risky job that AI will be used in the future.  
B: I'm not entirely convinced. While AI can assist with certain aspects of military operations, such as surveillance or logistics, the role of a soldier also requires human judgment and decision-making in complex and unpredictable situations.  
A: That's a valid point. Soldiers often face situations that require quick thinking, adaptability, and understanding of the nuances of warfare, which AI may struggle to replicate.  
- Teacher:  
A: Teaching is such a complex and nuanced job that AI won't take over completely.  
B: I agree. While AI can assist teachers with certain tasks, such as grading or providing personalized learning experiences, the role of a teacher involves much more than that.  
A: Absolutely. Teachers need to understand students' individual needs, emotions, and learning styles, which requires human empathy and interaction.  
- Washing a motorbike:  
A: Washing a motorbike seems like a basic task that AI will be used in.  
B: I think you're correct. AI can automate the process of washing vehicles, especially in large-scale operations like car washes.  
A: Indeed. It's such a simple and repetitive task that AI can efficiently handle.  
- Engineer:  
A: Engineering is such a complex and technical field that AI will be used extensively in the future.  
B: I see your point, but engineering also involves creativity, problem-solving, and innovation, which are qualities that AI may struggle to replicate.  
A: That's true. While AI can assist with certain aspects of engineering, such as data analysis or design optimization, human engineers bring a level of intuition and ingenuity that are essential for tackling novel challenges.  
- Coding:  
A: Coding is such a logical and methodical task that AI will definitely be used extensively in the future.  
B: I agree, coding involves a lot of repetitive and precise work, which AI is well-suited for.  
A: Exactly, AI can quickly process vast amounts of data and execute code with precision, making it ideal for tasks like software development and automation.  
- Tailor:  
A: Tailoring involves such intricate and precise work that AI won't be able to fully take over.  
B: Yes, I agree. While AI might assist with some aspects like measurements or pattern recognition, the artistry and craftsmanship of tailoring require human touch.  
A: Exactly, tailors need to understand not just measurements but also personal preferences, body types, and fashion trends, which AI may struggle to interpret accurately.  
- Farmer:  
A: Farming is such a diverse and complex occupation that AI will definitely be used in various aspects.  
B: Yes, I agree. AI can assist farmers in tasks like monitoring crop health, optimizing irrigation, and even autonomous machinery for planting and harvesting.  
A: Absolutely, with the help of AI-powered sensors and drones, farmers can gather real-time data about soil quality, weather patterns, and pest infestations to make informed decisions.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Bộ đội:  
A: Trở thành bộ đội là một công việc quá khắt khe và rủi ro đến mức AI sẽ được ứng dụng trong tương lai.  
B: Tôi không hoàn toàn bị thuyết phục. Mặc dù AI có thể hỗ trợ một số khía cạnh nhất định của hoạt động quân sự, chẳng hạn như giám sát hoặc hậu cần, nhưng vai trò của người lính cũng đòi hỏi khả năng phán đoán và ra quyết định của con người trong các tình huống phức tạp và khó lường.  
A: Đó là một ý kiến hợp lí. Những người lính thường phải đối mặt với những tình huống đòi hỏi tư duy nhanh nhạy, khả năng thích ứng và hiểu biết về các sắc thái của chiến tranh, điều mà AI có thể gặp khó khăn trong việc tái tạo.  
- Giáo viên:  
A: Giảng dạy là một công việc quá phức tạp và nhiều sắc thái đến nỗi AI sẽ không thể đảm nhận hoàn toàn.  
B: Tôi đồng ý. Mặc dù AI có thể hỗ trợ giáo viên thực hiện một số công việc nhất định, chẳng hạn như chấm điểm hoặc cung cấp trải nghiệm học tập được cá nhân hóa, nhưng vai trò của giáo viên còn liên quan nhiều hơn thế.  
A: Chắc chắn rồi. Giáo viên cần hiểu nhu cầu cá nhân, cảm xúc và phong cách học tập của học sinh, điều này đòi hỏi sự đồng cảm và tương tác giữa con người với nhau.  
- Rửa xe máy:  
A: Rửa xe máy có vẻ như là một công việc quá cơ bản đến nỗi AI sẽ được ứng dụng.  
B: Tôi nghĩ bạn đúng. AI có thể tự động hóa quá trình rửa xe, đặc biệt trong các hoạt động quy mô lớn như rửa xe.  
A: Thật vậy. Đó là một công việc đơn giản và lặp đi lặp lại mà AI có thể xử lý một cách hiệu quả.  
- Kỹ sư:  
A: Kỹ thuật là một lĩnh vực quá phức tạp và kỹ thuật nên AI sẽ được ứng dụng rộng rãi trong tương lai.  
B: Tôi hiểu quan điểm của bạn, nhưng kỹ thuật cũng liên quan đến sự sáng tạo, giải quyết vấn đề và đổi mới, đó là những phẩm chất mà AI có thể gặp khó khăn trong việc tái tạo.  
A: Đúng vậy. Mặc dù AI có thể hỗ trợ một số khía cạnh kỹ thuật nhất định, chẳng hạn như phân tích dữ liệu hoặc tối ưu hóa thiết kế, nhưng các kỹ sư con người mang đến mức độ trực giác và sự khéo léo cần thiết để giải quyết những thách thức mới.  
- Mã hóa:  
A: Mã hóa là một công việc cần quá nhiều sự logic và có phương pháp nên AI chắc chắn sẽ được ứng dụng rộng rãi trong tương lai.  
B: Tôi đồng ý, việc mã hóa bao gồm nhiều công việc lặp đi lặp lại và chính xác, công việc mà AI rất phù hợp.  
A: Chính xác, AI có thể nhanh chóng xử lý lượng lớn dữ liệu và thực thi mã với độ chính xác, khiến nó trở nên lý tưởng cho các công việc như tự động hóa và phát triển phần mềm.  
- Thợ may:  
A: Nghề may là một công việc quá phức tạp và cần sự chính xác đến mức AI sẽ không thể đảm nhiệm hoàn toàn.  
B: Ừ, tôi đồng ý. Mặc dù AI có thể hỗ trợ một số khía cạnh như đo lường hoặc nhận dạng mẫu, nhưng tính nghệ thuật và sự khéo léo của việc may đo đòi hỏi sự tiếp xúc của con người.  
A: Chính xác, những người thợ may không chỉ cần hiểu số đo mà còn cả sở thích cá nhân, hình dáng cơ thể và xu hướng thời trang, những điều mà AI có thể gặp khó khăn trong việc diễn giải chính xác.  
- Nông dân:  
A: Nông nghiệp là một nghề quá đa dạng và phức tạp nên AI chắc chắn sẽ được ứng dụng trong nhiều khía cạnh khác nhau.  
B: Ừ, tôi đồng ý. AI có thể hỗ trợ nông dân trong các công việc như theo dõi sức khỏe cây trồng, tối ưu hóa việc tưới tiêu và thậm chí cả máy móc tự động để trồng và thu hoạch.  
A: Hoàn toàn có thể, với sự trợ giúp của cảm biến và máy bay không người lái được hỗ trợ bởi AI, nông dân có thể thu thập dữ liệu theo thời gian thực về chất lượng đất, kiểu thời tiết và sự lây nhiễm của sâu bệnh để đưa ra quyết định sáng suốt.  
**b. What new jobs do you think will be created as a result of AI? Why?** (Bạn nghĩ những công việc mới nào sẽ được tạo ra nhờ AI? Tại sao?)  
Humans will have to manage AI, so maybe an 'AI Manager' job will be created. (Con người sẽ phải quản lý AI nên có thể một công việc 'AI Manager' sẽ được tạo ra.)  
**Gợi ý:**  
With the rise of AI-powered cyber threats, cybersecurity professionals will play a critical role in safeguarding AI systems, networks, and data from potential breaches and attacks.  
As autonomous vehicles become more prevalent, there will be a need for technicians who can maintain, repair, and troubleshoot AI-powered systems and components within these vehicles.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Với sự gia tăng của các mối đe dọa mạng được hỗ trợ bởi AI, các chuyên gia an ninh mạng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ các hệ thống, mạng và dữ liệu AI khỏi các vi phạm và tấn công tiềm ẩn.  
Khi các phương tiện tự hành trở nên phổ biến hơn, sẽ cần có các kỹ thuật viên có thể bảo trì, sửa chữa và khắc phục sự cố các hệ thống và bộ phận được hỗ trợ bởi AI trong các phương tiện này.  
**Unit 10 Lesson 3 (trang 117, 118, 119)**  
**Let's Talk! (trang 117 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. How are the people using artificial intelligence (AI)? What are some effects that AI has on our lives? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Mọi người sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) như thế nào? AI có tác động gì đối với cuộc sống của chúng ta?)  
  
**Gợi ý:**  
People use maps for directions, using face ID to unlock their phone.  
AI, or Artificial Intelligence, has various effects on our lives. AI plays a role in autonomous vehicles, enhancing safety and efficiency in transportation systems. AI-driven language translation and chatbots facilitate communication across language barriers and provide customer support. AI-powered tutoring systems and adaptive learning platforms offer personalized learning experiences for students. AI enhances security systems by identifying patterns of fraudulent activity, monitoring for cybersecurity threats, and improving surveillance.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Mọi người sử dụng bản đồ để chỉ đường, sử dụng Face ID để mở khóa điện thoại.  
AI, hay Trí tuệ nhân tạo, có nhiều tác động khác nhau đối với cuộc sống của chúng ta. AI đóng vai trò quan trọng trong các phương tiện tự hành, nâng cao tính an toàn và hiệu quả trong hệ thống giao thông. Dịch thuật ngôn ngữ dựa trên AI và chatbot hỗ trợ giao tiếp vượt qua các rào cản ngôn ngữ và cung cấp hỗ trợ khách hàng. Hệ thống dạy kèm được hỗ trợ bởi AI và nền tảng học tập thích ứng mang lại trải nghiệm học tập được cá nhân hóa cho học sinh. AI tăng cường hệ thống bảo mật bằng cách xác định các mô hình hoạt động gian lận, giám sát các mối đe dọa an ninh mạng và cải thiện khả năng giám sát.  
  
**Listening (phần a->c trang 117 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen to a podcast about artificial intelligence (AI). How does the scientist feel about AI?** (Nghe podcast về trí tuệ nhân tạo (AI). Nhà khoa học cảm thấy thế nào về AI?)  
1. It's a powerful tool that might create serious problems if not used responsibly. (Đây là một công cụ mạnh mẽ có thể gây ra vấn đề nghiêm trọng nếu không được sử dụng một cách có trách nhiệm.)  
2. It’s a useful tool that will make our lives better if used responsibly. (Đó là một công cụ hữu ích giúp cuộc sống của chúng ta tốt đẹp hơn nếu được sử dụng một cách có trách nhiệm.)  
CD2-75  
**Đáp án:**  
2. It’s a useful tool that will make our lives better if used responsibly. (Đó là một công cụ hữu ích giúp cuộc sống của chúng ta tốt đẹp hơn nếu được sử dụng một cách có trách nhiệm.)  
**Nội dung bài nghe:**  
Ted: Welcome to Tech Talk with Ted. I’m Ted. Today we are talking about artificial intelligence. And we're joined by Dr. Olivia Taylor. Thank you for joining us.  
Dr. Olivia Taylor: It's a pleasure to be here.  
Ted: So let's start with the big question. Will AI make all jobs obsolete?  
Dr. Olivia Taylor: No. AI will automate tedious and repetitive tasks. While humans focus on higher level tasks that require creativity, leadership, and other human skills. AI will also create new jobs such as AI engineers and trainers.  
Ted: What about the fear of AI becoming autonomous and killing humans?  
Dr. Olivia Taylor: We don't need to worry about that. At least not yet. AI needs humans to work. It needs a program that is made by humans to work. In the end, we're the ones in control and it is up to us to use AI responsibly. Also, AI still has a long way to go before it can develop the same kind of emotions and motivations as humans.  
Ted: What do you think is the most important factor when developing AI technologies?  
Dr. Olivia Taylor: I think it's making sure that AI is developed and used responsibly. We need to consider how AI will impact our society and environment. We must also make sure that AI is used to help humans and not replace them.  
Ted: What challenges do you see in the development of AI?  
Dr. Olivia Taylor: AI is still limited by the amount and quality of data that it has access to. So if we don't have enough data about something, or if the data we have aren't good, AI will create wrong or incomplete results.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Ted: Chào mừng đến với Tech Talk cùng với Ted. Tôi là Ted. Hôm nay chúng ta sẽ nói về trí tuệ nhân tạo. Và chúng ta có sự tham gia của Tiến sĩ Olivia Taylor. Cảm ơn tiến sĩ đã tham gia cùng chúng tôi.  
Tiến sĩ Olivia Taylor: Tôi rất vui khi có mặt ở đây.  
Ted: Vậy hãy bắt đầu với câu hỏi lớn. AI sẽ khiến mọi công việc trở nên lỗi thời có phải không thưa tiến sĩ?  
Tiến sĩ Olivia Taylor: Không. AI sẽ tự động hóa các công việc tẻ nhạt và có tính lặp đi lặp lại. Trong khi con người tập trung vào các công việc cấp cao hơn đòi hỏi sự sáng tạo, khả năng lãnh đạo và các kỹ năng khác của con người. AI cũng sẽ tạo ra những công việc mới như kỹ sư và giảng viên AI.  
Ted: Thế còn nỗi sợ AI trở nên tự chủ và tiêu diệt con người thì sao ạ?  
Tiến sĩ Olivia Taylor: Chúng ta không cần lo lắng về điều đó. Ít nhất là chưa. AI cần con người để làm việc. Nó cần một chương trình do con người tạo ra để hoạt động. Cuối cùng, chúng ta là người nắm quyền kiểm soát và việc sử dụng AI một cách có trách nhiệm là tùy thuộc vào chúng ta. Ngoài ra, AI vẫn còn một chặng đường dài trước khi có thể phát triển những loại cảm xúc và động lực giống như con người.  
Ted: Tiến sĩ nghĩ yếu tố nào là quan trọng nhất khi phát triển công nghệ AI?  
Tiến sĩ Olivia Taylor: Tôi nghĩ cần đảm bảo rằng AI được phát triển và sử dụng một cách có trách nhiệm. Chúng ta cần xem xét AI sẽ tác động như thế nào đến xã hội và môi trường của chúng ta. Chúng ta cũng phải đảm bảo rằng AI được sử dụng để giúp đỡ chứ không phải thay thế con người.  
Ted: Tiến sĩ thấy có những thách thức nào trong quá trình phát triển AI ạ?  
Tiến sĩ Olivia Taylor: AI vẫn bị giới hạn bởi số lượng và chất lượng dữ liệu mà nó có quyền truy cập. Vì vậy, nếu chúng ta không có đủ dữ liệu về điều gì đó hoặc nếu dữ liệu chúng ta có không đúng, AI sẽ tạo ra kết quả sai hoặc không đầy đủ.  
**b. Now, listen and number the ideas in the order you hear them.** (Bây giờ, hãy lắng nghe và đánh số các ý theo thứ tự bạn nghe được.)  
\_\_\_\_\_\_ AI doesn't have emotions and motivations like humans yet.   
\_\_\_\_\_\_ AI can produce wrong or incomplete results because of the data it uses.  
\_\_\_\_\_\_ AI will automate boring tasks while humans focus on higher-level tasks.  
\_\_\_\_\_\_ We need to consider the impact AI has on society and the environment.  
\_\_\_\_\_\_ Some people fear that AI will become autonomous and kill humans.  
CD2-75  
**Đáp án:**  
\_\_\_3\_\_\_ AI doesn't have emotions and motivations like humans yet.   
\_\_\_5\_\_\_ AI can produce wrong or incomplete results because of the data it uses.  
\_\_\_1\_\_\_ AI will automate boring tasks while humans focus on higher-level tasks.  
\_\_\_4\_\_\_ We need to consider the impact AI has on society and the environment.  
\_\_\_2\_\_\_ Some people fear that AI will become autonomous and kill humans.  
**Hướng dẫn dịch:**  
\_\_\_3\_\_\_ AI chưa có cảm xúc và động lực như con người.  
\_\_\_5\_\_\_ AI có thể tạo ra kết quả sai hoặc không đầy đủ do dữ liệu mà nó sử dụng.  
\_\_\_1\_\_\_ AI sẽ tự động hóa những công việc nhàm chán trong khi con người tập trung vào những công việc cấp cao hơn.  
\_\_\_4\_\_\_ Chúng ta cần xem xét tác động của AI đối với xã hội và môi trường.  
\_\_\_2\_\_\_ Một số người lo ngại rằng AI sẽ trở nên tự chủ và tiêu diệt con người.  
**c. In pairs: Do you agree with the scientist’s opinions? Why (not)?** (Theo cặp: Bạn có đồng ý với các quan điểm của nhà khoa học không? Tại sao có (không)?)  
**Gợi ý:**  
AI doesn't have emotions and motivations like humans yet: This statement is generally true. Current AI systems lack consciousness, emotions, and motivations in the way humans understand them. AI operates based on algorithms and data processing, without subjective experiences or feelings.  
**Hướng dẫn dịch:**  
AI chưa có cảm xúc và động lực như con người: Nhận định này nhìn chung là đúng. Các hệ thống AI hiện tại thiếu ý thức, cảm xúc và động lực theo cách con người hiểu về chúng. AI hoạt động dựa trên thuật toán và xử lý dữ liệu, không có trải nghiệm hay cảm xúc chủ quan.  
  
**Reading (phần a->e trang 117-118 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the essay about artificial intelligence (AI). Which sentence best summarizes the essay?** (Đọc bài viết về trí tuệ nhân tạo (AI). Câu nào tóm tắt tốt nhất bài viết?)  
1. Although AI has both benefits and drawbacks, the drawbacks can be limited, so we shouldn't be afraid of using it. (Mặc dù AI có cả ưu điểm và nhược điểm nhưng nhược điểm có thể được hạn chế, vì vậy chúng ta không nên ngại sử dụng nó.)   
2. Although AI has both benefits and drawbacks, the drawbacks are more serious, and we should be careful about using it. (Mặc dù AI có cả ưu điểm và nhược điểm nhưng nhược điểm còn nghiêm trọng hơn và chúng ta nên cẩn thận khi sử dụng nó.)  
There is growing concern about how artificial intelligence (AI) is used. While AI provides many benefits, it can also create some problems. In this essay, I will discuss both the pros and cons and whether the advantages outweigh the disadvantages.  
Most people agree that AI can help free up human time and energy by automating tasks. This will allow humans to focus on more creative activities. It is already being used to replace humans in tedious tasks such as data entry and cleaning. In addition to this, AI can also improve **accuracy** for certain tasks since AI does not get tired and make mistakes because of that. It can also data much faster than humans. For example, a new AI system can suggest correct treatments for 94% of cases with eye conditions. The benefits that AI brings can assist humans in various tasks, from simple to complicated ones, and allow us to focus on creating even greater inventions.  
On the other hand, there are also some potential drawbacks of using AI. Since AI is used to automate tasks, it could lead to job losses for millions of people. It is **estimate**d that 3-14% of people will lose their jobs to AI by 2030. Another key thing to consider is that AI can increase **disinformation**. It is impossible to **distinguish** between a real video and a fake one generated by AI, which makes it easier to spread false information. However, these problems can be solved by training humans to work with AI and creating laws to control how AI is used.  
All things considered, AI has some potential drawbacks, such as job losses and spreading disinformation. However, I believe the benefits, such as improving accuracy and processing speeds, are far greater. If we make sure AI is used responsibly, it can help us create a better and more efficient world.  
**Đáp án:**  
1. Although AI has both benefits and drawbacks, the drawbacks can be limited, so we shouldn't be afraid of using it. (Mặc dù AI có cả ưu điểm và nhược điểm nhưng nhược điểm có thể được hạn chế, vì vậy chúng ta không nên e ngại sử dụng nó.)   
**Hướng dẫn dịch:**  
Ngày càng có nhiều lo ngại về cách sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Mặc dù AI mang lại nhiều lợi ích nhưng nó cũng có thể tạo ra một số vấn đề. Trong bài luận này, tôi sẽ thảo luận về cả ưu và nhược điểm và liệu ưu điểm có lớn hơn nhược điểm hay không.  
Hầu hết mọi người đều đồng ý rằng AI có thể giúp giải phóng thời gian và năng lượng của con người bằng cách tự động hóa các tác vụ. Điều này sẽ cho phép con người tập trung vào các hoạt động sáng tạo hơn. Nó đã được sử dụng để thay thế con người trong các công việc tẻ nhạt như nhập và dọn dẹp dữ liệu. Ngoài ra, AI cũng có thể cải thiện độ chính xác cho một số công việc nhất định vì AI không bị mệt mỏi và mắc lỗi vì điều đó. Nó cũng có thể xử lý dữ liệu nhanh hơn nhiều so với con người. Ví dụ, một hệ thống AI mới có thể đề xuất phương pháp điều trị chính xác cho 94% trường hợp mắc các bệnh về mắt. Những lợi ích mà AI mang lại có thể hỗ trợ con người trong nhiều công việc khác nhau, từ đơn giản đến phức tạp và cho phép chúng ta tập trung vào việc tạo ra những phát minh vĩ đại hơn nữa.  
Mặt khác, cũng có một số hạn chế tiềm ẩn khi sử dụng AI. Vì AI được sử dụng để tự động hóa các công việc nên nó có thể khiến cho hàng triệu người bị mất việc làm. Người ta ước tính rằng 3-14% dân số sẽ mất việc làm vì AI vào năm 2030. Một điều quan trọng khác cần xem xét là AI có thể làm tăng thông tin sai lệch. Không thể phân biệt giữa video thật và video giả do AI tạo ra, điều này khiến việc phát tán thông tin sai lệch trở nên dễ dàng hơn. Tuy nhiên, những vấn đề này có thể được giải quyết bằng cách đào tạo con người làm việc với AI và tạo ra luật kiểm soát cách sử dụng AI.  
Xét trên mọi khía cạnh, AI có một số nhược điểm tiềm ẩn, chẳng hạn như làm mất việc làm và lan truyền thông tin sai lệch. Tuy nhiên, tôi tin rằng những lợi ích như cải thiện độ chính xác và tốc độ xử lý lớn hơn nhiều. Nếu chúng ta đảm bảo AI được sử dụng một cách có trách nhiệm, nó có thể giúp chúng ta tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn và hiệu quả hơn.  
**b. Match the bold words in the text with their definitions.** (Nối những từ in đậm trong văn bản với định nghĩa của chúng.)  
1. \_\_\_\_\_\_\_: guess the cost, size, or value of something  
2. \_\_\_\_\_\_\_: the state of being exact or correct  
3. \_\_\_\_\_\_\_: false information that is spread on purpose  
4. \_\_\_\_\_\_\_: recognize the difference between two people or things  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. estimate  
  
  
2. accuracy  
  
  
3. disinformation  
  
  
4. distinguish  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. ước tính: đoán chi phí, kích thước hoặc giá trị của một cái gì đó  
2. độ chính xác: trạng thái chính xác hoặc đúng  
3. thông tin sai lệch: thông tin sai lệch được lan truyền có mục đích  
4. phân biệt: nhận ra sự khác biệt giữa hai người hoặc hai vật  
**c. Now, read and choose the correct answers.** (Bây giờ hãy đọc và chọn câu trả lời đúng.)  
1. What kind of tasks is AI doing instead of humans?  
A. boring tasks  
B. complicated tasks  
C. unimportant tasks  
2. The word in paragraph 2 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. step  
B. deal with  
C. progress  
3. In which area does the writer give an example of AI helping improve accuracy?  
A. factory production  
B. data collection  
C. healthcare  
4. Which of the following is NOT true according to the passage?  
A. AI helps reduce disinformation.   
B. AI can give treatments to patients.  
C. AI will do the jobs of 3-14% of people.  
5. Which of the following can be inferred from the passage about the writer’s opinion?  
A. AI has more benefits than drawbacks.  
B. The drawbacks of AI can be managed.  
C. AI will replace humans in all jobs.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. B  
  
  
3. C  
  
  
4. A  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Most people agree that AI can help free up human time and energy by automating tasks. This will allow humans to focus on more creative activities. It is already being used to replace humans in tedious tasks such as data entry and cleaning. (Hầu hết mọi người đều đồng ý rằng AI có thể giúp giải phóng thời gian và năng lượng của con người bằng cách tự động hóa các tác vụ. Điều này sẽ cho phép con người tập trung vào các hoạt động sáng tạo hơn. Nó đã được sử dụng để thay thế con người trong các công việc tẻ nhạt như nhập và dọn dẹp dữ liệu.)  
2. Thông tin: In addition to this, AI can also improve accuracy for certain tasks since AI does not get tired and make mistakes because of that. It can also data much faster than humans. (Ngoài ra, AI cũng có thể cải thiện độ chính xác cho một số công việc nhất định vì AI không bị mệt mỏi và mắc lỗi vì điều đó. Nó cũng có thể dữ liệu nhanh hơn nhiều so với con người.)  
3. Thông tin: For example, a new AI system can suggest correct treatments for 94% of cases with eye conditions. (Ví dụ, một hệ thống AI mới có thể đề xuất phương pháp điều trị chính xác cho 94% trường hợp mắc các bệnh về mắt.)  
4. Thông tin:  
- Another key thing to consider is that AI can increase disinformation. It is impossible to distinguish between a real video and a fake one generated by AI, which makes it easier to spread false information. (Một điều quan trọng khác cần xem xét là AI có thể làm tăng thông tin sai lệch. Không thể phân biệt giữa video thật và video giả do AI tạo ra, điều này khiến việc phát tán thông tin sai lệch trở nên dễ dàng hơn.)  
- In addition to this, AI can also improve accuracy for certain tasks since AI does not get tired and make mistakes because of that. It can also data much faster than humans. For example, a new AI system can suggest correct treatments for 94% of cases with eye conditions. (Ngoài ra, AI cũng có thể cải thiện độ chính xác cho một số công việc nhất định vì AI không bị mệt mỏi và mắc lỗi vì điều đó. Nó cũng có thể xử lý dữ liệu nhanh hơn nhiều so với con người. Ví dụ, một hệ thống AI mới có thể đề xuất phương pháp điều trị chính xác cho 94% trường hợp mắc các bệnh về mắt.)  
- On the other hand, there are also some potential drawbacks of using AI. Since AI is used to automate tasks, it could lead to job losses for millions of people. It is estimated that 3-14% of people will lose their jobs to AI by 2030. (Mặt khác, cũng có một số hạn chế tiềm ẩn khi sử dụng AI. Vì AI được sử dụng để tự động hóa các công việc nên nó có thể khiến cho hàng triệu người bị mất việc làm. Người ta ước tính rằng 3-14% dân số sẽ mất việc làm vì AI vào năm 2030.)  
5. Thông tin: All things considered, AI has some potential drawbacks, such as job losses and spreading disinformation. However, I believe the benefits, such as improving accuracy and processing speeds, are far greater. If we make sure AI is used responsibly, it can help us create a better and more efficient world. (Xét trên mọi khía cạnh, AI có một số nhược điểm tiềm ẩn, chẳng hạn như làm mất việc làm và lan truyền thông tin sai lệch. Tuy nhiên, tôi tin rằng những lợi ích như cải thiện độ chính xác và tốc độ xử lý lớn hơn nhiều. Nếu chúng ta đảm bảo AI được sử dụng một cách có trách nhiệm, nó có thể giúp chúng ta tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn và hiệu quả hơn.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. AI đang làm những công việc gì thay cho con người?  
A. các công việc nhàm chán  
B. các công việc phức tạp   
C. các công việc không quan trọng  
2. Từ ở đoạn 2 gần nghĩa nhất với \_\_\_\_\_\_\_.  
A. bước  
B. giải quyết  
C. tiến bộ  
3. Người viết đưa ra ví dụ về AI giúp cải thiện độ chính xác ở lĩnh vực nào?  
A. sản xuất tại nhà máy  
B. thu thập dữ liệu  
C. chăm sóc sức khỏe  
4. Điều nào sau đây KHÔNG đúng theo bài viết?  
A. AI giúp giảm thông tin sai lệch.  
B. AI luôn có thể đưa ra phương pháp điều trị đúng cho bệnh nhân.  
C. AI sẽ làm công việc của 3-14% dân số.  
5. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài viết về quan điểm của nhà văn?  
A. AI có nhiều lợi ích hơn là nhược điểm.  
B. Những hạn chế của AI có thể được quản lý.  
C. AI sẽ thay thế con người trong mọi công việc.  
**d. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-76  
**e. In pairs: What other advantages and disadvantages of AI can you think of?** (Theo cặp: Bạn có thể nghĩ đến những ưu điểm và nhược điểm nào khác của AI?)  
**Gợi ý:**  
Advantages:  
- By automating repetitive tasks, AI can reduce labor costs for businesses, particularly in areas like manufacturing and customer service.  
- AI systems can operate continuously without the need for breaks or rest, providing round-the-clock services and support.  
- AI-powered surveillance systems can enhance public safety by detecting threats, monitoring suspicious activities, and identifying potential security breaches.  
- AI enables personalized experiences for users in areas such as online shopping, content recommendations, and virtual assistants, enhancing user satisfaction and engagement.  
Disadvantages:  
- AI applications often involve the collection and analysis of personal data, raising concerns about privacy infringement, surveillance, and data misuse.  
- Over Reliance on AI systems may lead to dependency issues, and AI failures or malfunctions could have severe consequences, especially in critical systems like autonomous vehicles or medical devices.  
- AI raises complex ethical questions regarding its use in areas like warfare, surveillance, and decision-making, requiring careful consideration of moral implications and societal values.  
- AI systems are vulnerable to cyberattacks, manipulation, and exploitation, posing risks to data security, financial systems, and critical infrastructure.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Ưu điểm:  
- Bằng cách tự động hóa các công việc có tính lặp đi lặp lại, AI có thể giảm chi phí lao động cho doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực như sản xuất và chăm sóc khách hàng.  
- Hệ thống AI có thể hoạt động liên tục mà không cần giải lao hay nghỉ ngơi, cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ 24/24.  
- Hệ thống giám sát được hỗ trợ bởi AI có thể tăng cường an toàn công cộng bằng cách phát hiện các mối đe dọa, giám sát các hoạt động đáng ngờ và xác định các vi phạm an ninh tiềm ẩn.  
- AI mang lại trải nghiệm cá nhân hóa cho người dùng trong các lĩnh vực như mua sắm trực tuyến, đề xuất nội dung và trợ lý ảo, nâng cao sự hài lòng và mức độ tương tác của người dùng.  
Nhược điểm:  
- Các ứng dụng AI thường liên quan đến việc thu thập và phân tích dữ liệu cá nhân, gây lo ngại về việc vi phạm quyền riêng tư, giám sát và lạm dụng dữ liệu.  
- Việc phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống AI có thể dẫn đến các vấn đề phụ thuộc và lỗi hoặc trục trặc của AI có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt là trong các hệ thống quan trọng như xe tự hành hoặc thiết bị y tế.  
- AI đặt ra những câu hỏi đạo đức phức tạp liên quan đến việc sử dụng nó trong các lĩnh vực như chiến tranh, giám sát và ra quyết định, đòi hỏi phải xem xét cẩn thận các tác động đạo đức và giá trị xã hội.  
- Hệ thống AI dễ bị tấn công, thao túng và khai thác mạng, gây rủi ro cho bảo mật dữ liệu, hệ thống tài chính và cơ sở hạ tầng quan trọng.  
  
**Writing (phần a->b trang 118 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about researching essays and summarizing texts, then p.125, File 5 and underline the ideas that were used in the essay.** (Đọc về nghiên cứu bài luận và tóm tắt văn bản, sau đó trang 125, File 5 và gạch chân những ý được sử dụng trong bài luận.)  
  
  
  
  
**Writing Skill**  
**Researching essays and summarizing texts**  
Before you write an essay, it is important to research the topic and take notes on important points.  
To research essays and summarize texts effectively, you should:  
**1. Summarize the texts by focusing on the main points, not on the details.** Pay attention to the headings, subheadings, introduction, conclusion, and the first and last sentences of each paragraph.  
**2. Make another note of relevant data and examples to support your opinion.**  
**3. Organize your notes by grouping similar ideas together.**   
  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
There is growing concern about how artificial intelligence (AI) is used. While AI provides many benefits, it can also create some problems. In this essay, I will discuss both the pros and cons and whether the advantages outweigh the disadvantages.  
Most people agree that AI can help free up human time and energy by . In addition to this, AI can . It can also process data much faster than humans. For example, . The benefits that AI brings can assist humans in various tasks, from simple to complicated ones, and allow us to focus on creating even greater inventions.  
On the other hand, there are also some potential drawbacks of using AI. Since AI is used to automate tasks, . Another key thing to consider is that . It is impossible to distinguish between a real video and a fake one generated by AI, which makes it easier to spread false information. However, these problems can be solved by training humans to work with AI and creating laws to control how AI is used.  
All things considered, AI has some potential drawbacks, such as job losses and spreading disinformation. However, I believe the benefits, such as improving accuracy and processing speeds, are far greater. If we make sure AI is used responsibly, it can help us create a better and more efficient world.  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Kỹ năng viết**  
**Nghiên cứu bài luận và tóm tắt văn bản**  
Trước khi viết một bài luận, điều quan trọng là phải nghiên cứu chủ đề và ghi chú những ý quan trọng.  
Để nghiên cứu bài luận và tóm tắt văn bản một cách hiệu quả, bạn nên:  
**1. Tóm tắt văn bản bằng cách tập trung vào những ý chính, không tập trung vào chi tiết.** Hãy chú ý đến các tiêu đề, tiêu đề phụ, phần mở bài, kết bài, câu đầu và câu cuối của mỗi đoạn văn.  
**2. Ghi lại những thông tin liên quan và ví dụ để củng cố cho quan điểm của bạn.**  
**3. Sắp xếp các ghi chú của bạn bằng cách nhóm các ý tương tự lại với nhau.**   
  
  
  
  
**b. P.125, File 6 and summarize each passage in one or two sentences.** (Trang 125, File 6 và tóm tắt mỗi đoạn văn bằng một hoặc hai câu.)  
**File 6:**  
  
  
  
  
**Passage 1**  
  
  
**Passage 2**  
  
  
**Passage 3**  
  
  
  
  
**Understand the Benefits and Risks of AI** - James Martins  
… Unlike humans, AI doesn't get tired. It isn't affected by environmental conditions either. This allows it to always produce correct results  
**Reduce costs**  
AI systems can replace low-skilled human jobs, which means that businesses don't need to hire as many people. AI can also work 24 hours a day allowing businesses to serve more customers and make more money.  
…  
  
  
**5 Disadvantages of AI everyone should know about** - Linda Miller  
…  
**It can't repair itself.**  
If there are problems in AI's programs or data, it can't fix itself. In addition, AI needs to be installed into a machine, and that means when the machine breaks down, AI can't be used.  
**It can be used for bad purposes.**  
AI can copy human's voice and generate new messages. It can also produce fake images and videos. These might be used by bad people for their own purposes.  
…  
  
  
**The Pros and Cons of AI** - Steve Smith  
…  
**New inventions**  
AI can process a huge amount of data quickly. It can also explore different possibilities which help scientists come up with new ideas.  
**Machine dependency**  
When everything is taken care of by AI, humans won't need to understand how things work and will depend on machines.  
…  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
Passage 1:  
James Martins discusses the benefits of AI, highlighting its ability to work tirelessly and produce consistent results, which helps businesses reduce costs by replacing low-skilled jobs and operating 24/7.  
Passage 2:  
Linda Miller outlines the disadvantages of AI, noting that it cannot repair itself when issues arise and can be misused for harmful purposes such as generating fake images and messages.  
Passage 3:  
Steve Smith explores both the pros and cons of AI, mentioning its capability to process large amounts of data quickly and inspire new inventions, while also warning about the risk of humans becoming overly dependent on machines.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Đoạn 1:  
James Martins thảo luận về lợi ích của AI, nêu bật khả năng làm việc không mệt mỏi và tạo ra kết quả nhất quán, giúp doanh nghiệp giảm chi phí bằng cách thay thế các công việc cần ít tay nghề và hoạt động 24/7.  
Đoạn 2:  
Linda Miller nêu ra những nhược điểm của AI, lưu ý rằng nó không thể tự sửa chữa khi có vấn đề phát sinh và có thể bị lạm dụng cho các mục đích có hại như tạo ra hình ảnh và tin nhắn giả mạo.  
Đoạn 3:  
Steve Smith khám phá cả ưu và nhược điểm của AI, đề cập đến khả năng xử lý lượng lớn dữ liệu một cách nhanh chóng và truyền cảm hứng cho các phát minh mới, đồng thời cảnh báo về nguy cơ con người trở nên phụ thuộc quá mức vào máy móc.  
  
  
  
  
**Đoạn 1**  
  
  
**Đoạn 2**  
  
  
**Đoạn 3**  
  
  
  
  
**Hiểu lợi ích và rủi ro của AI** - James Martins  
… Không giống như con người, AI không cảm thấy mệt mỏi. Nó cũng không bị ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường. Điều này cho phép nó luôn tạo ra kết quả chính xác  
**Giảm chi phí**  
Hệ thống AI có thể thay thế những công việc cần ít tay nghề của con người, điều đó có nghĩa là doanh nghiệp không cần thuê nhiều người. AI cũng có thể hoạt động 24 giờ một ngày cho phép doanh nghiệp phục vụ nhiều khách hàng hơn và kiếm được nhiều tiền hơn.  
…  
  
  
**5 nhược điểm của AI mọi người nên biết** - Linda Miller  
…  
**Nó không thể tự sửa chữa được.**  
Nếu có vấn đề trong chương trình hoặc dữ liệu của AI, nó không thể tự khắc phục được. Ngoài ra, AI cần được cài đặt vào máy và điều đó đồng nghĩa với việc khi máy bị hỏng, AI không thể được sử dụng.  
**Nó có thể được sử dụng cho mục đích xấu.**  
AI có thể sao chép giọng nói của con người và tạo ra tin nhắn mới. Nó cũng có thể tạo ra hình ảnh và video giả mạo. Những thứ này có thể được người xấu sử dụng cho mục đích riêng của họ.  
…  
  
  
**Ưu và nhược điểm của AI** - Steve Smith  
…  
**Những phát minh mới**  
AI có thể xử lý một lượng lớn dữ liệu một cách nhanh chóng. Nó cũng có thể khám phá những khả năng khác nhau giúp các nhà khoa học đưa ra những ý tưởng mới.  
**Phụ thuộc vào máy móc**  
Khi mọi thứ đều được AI đảm nhiệm, con người sẽ không cần phải hiểu mọi thứ hoạt động như thế nào và sẽ phụ thuộc vào máy móc.  
…  
  
  
  
  
  
**Speaking (phần a->b trang 119 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In pairs: Do you agree or disagree with these opinions? Do you think the benefits of AI outweigh the drawbacks? Why (not)?** (Theo cặp: Bạn có đồng ý với những ý kiến sau hay không? Bạn có nghĩ lợi ích của AI lớn hơn những hạn chế không? Tại sao có (không)?)  
- AI will take over all areas of our lives, and humans won't need to work. (AI sẽ đảm nhiệm mọi lĩnh vực trong cuộc sống của chúng ta và con người sẽ không cần phải làm việc.)  
- Humans will become lazy and less intelligent if we rely on AI for everything. (Con người sẽ trở nên lười biếng và kém thông minh hơn nếu dựa vào AI trong mọi việc.)  
- AI will he us achieve great progress, such as curing all diseases and living in space. (AI sẽ giúp chúng ta đạt được những tiến bộ vượt bậc, chẳng hạn như chữa khỏi mọi bệnh tật và sống trong không gian.)  
- In the future, AI might become more intelligent than humans and take over the world. (Trong tương lai, AI có thể trở nên thông minh hơn con người và chiếm lĩnh thế giới.)  
**Gợi ý:**  
A: Do you agree or disagree with the opinions presented in this essay about AI?  
B: It's a thought-provoking essay, for sure. I see both sides of the argument. On one hand, AI undeniably offers numerous benefits, like freeing up human time, improving accuracy, and boosting productivity. But on the other hand, the concerns about job displacement and the potential for spreading disinformation are significant.  
A: That's true. While AI has the potential to enhance our lives in many ways, it also poses challenges that need to be addressed. The idea of job losses due to automation is particularly concerning, especially if it leads to increased unemployment and economic inequality.  
B: Absolutely. And the issue of disinformation is another critical point. The ability of AI to generate fake content raises serious ethical and societal concerns, especially in today's digital age where misinformation can spread rapidly.  
A: Despite these drawbacks, do you think the benefits of AI outweigh the negatives?  
B: It's a complex question. I believe that the benefits of AI have the potential to outweigh the drawbacks, but it depends on how we manage and regulate its implementation. If we can find ways to mitigate job displacement through retraining and education programs and implement strict regulations to combat disinformation, then I think the benefits could indeed outweigh the drawbacks.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn có đồng ý với những ý kiến được trình bày trong bài viết này về AI hay không?  
B: Chắc chắn đó là một bài viết đáng suy ngẫm. Tôi hiểu cả hai mặt của cuộc tranh luận. Một mặt, không thể phủ nhận AI mang lại nhiều lợi ích, như giải phóng thời gian của con người, cải thiện độ chính xác và tăng năng suất. Nhưng mặt khác, những lo ngại về tình trạng dịch chuyển công việc và khả năng lan truyền thông tin sai lệch là rất đáng kể.  
A: Đúng vậy. Mặc dù AI có tiềm năng cải thiện cuộc sống của chúng ta theo nhiều cách nhưng nó cũng đặt ra những thách thức cần được giải quyết. Ý niệm về tình trạng mất việc làm do tự động hóa đặc biệt đáng lo ngại, đặc biệt nếu nó dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng và bất bình đẳng kinh tế.  
B: Chắc chắn rồi. Và vấn đề thông tin sai lệch là một điểm quan trọng khác. Khả năng AI tạo ra nội dung giả mạo gây ra những lo ngại nghiêm trọng về đạo đức và xã hội, đặc biệt là trong thời đại kỹ thuật số ngày nay, nơi thông tin sai lệch có thể lan truyền nhanh chóng.  
A: Bất chấp những hạn chế này, bạn có nghĩ rằng những lợi ích của AI lớn hơn những mặt tiêu cực không?  
B: Đó là một câu hỏi phức tạp. Tôi tin rằng lợi ích của AI có tiềm năng lớn hơn những nhược điểm, nhưng nó phụ thuộc vào cách chúng ta quản lý và điều chỉnh việc triển khai nó. Nếu chúng ta có thể tìm cách giảm thiểu tình trạng dịch chuyển việc làm thông qua các chương trình đào tạo và giáo dục cũng như thực hiện các quy định nghiêm ngặt để chống lại thông tin sai lệch, thì tôi nghĩ những lợi ích thực sự có thể lớn hơn mặt hạn chế.  
**b. Now, complete the table with your ideas.** (Bây giờ hãy hoàn thành bảng với ý tưởng của bạn.)  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**AI: Good or Bad?**  
  
  
   
  
  
  
  
Pros  
  
  
1. Humanitarian Applications: AI can be used for humanitarian purposes such as disaster response, healthcare delivery, and environmental conservation, helping to address pressing global challenges.  
2. Innovation: AI can facilitate innovation by processing vast amounts of data and identifying patterns, leading to new discoveries and advancements in science and technology.  
  
  
  
  
Cons  
  
  
1. Ethical Concerns: The use of AI raises ethical dilemmas related to privacy, bias, accountability, and control, posing risks to individual rights and societal values.  
2. Environmental Impact: The rapid development and deployment of AI technologies may contribute to environmental degradation, resource depletion, and energy consumption, exacerbating climate change and ecological crises.  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**AI: Tốt hay xấu?**  
  
  
   
  
  
  
  
Ưu điểm  
  
  
1. Ứng dụng nhân đạo: AI có thể được sử dụng cho các mục đích nhân đạo như ứng phó thảm họa, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và bảo tồn môi trường, giúp giải quyết các thách thức toàn cầu cấp bách.  
2. Đổi mới: AI có thể tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới bằng cách xử lý lượng lớn dữ liệu và xác định các mẫu, dẫn đến những khám phá và tiến bộ mới trong khoa học và công nghệ.  
  
  
  
  
Nhược điểm  
  
  
1. Mối lo ngại về đạo đức: Việc sử dụng AI đặt ra những tình huống khó xử về mặt đạo đức liên quan đến quyền riêng tư, thành kiến, trách nhiệm giải trình và kiểm soát, gây ra rủi ro đối với quyền cá nhân và giá trị xã hội.  
2. Tác động đến môi trường: Việc phát triển và triển khai nhanh chóng các công nghệ AI có thể góp phần làm suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên và tiêu thụ năng lượng, làm trầm trọng thêm tình trạng biến đổi khí hậu và khủng hoảng sinh thái.  
  
  
  
  
  
**Useful language (phần a->b trang 119 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the essay again and tick the phrase(s) below that you see.** (Đọc lại bài luận và đánh dấu vào (các) cụm từ bên dưới mà bạn nhìn thấy.)  
  
**Đáp án:**  
A. Most people agree that ...  
B. Another key thing to consider is that ...  
 In addition to this, ...  
C. All things considered, …  
D. There is growing concern about ....  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Có một vài lý do tại sao …  
 Hầu hết mọi người đều đồng ý rằng ...  
B. Một điều quan trọng khác cần xem xét là …  
 Ngoài ra, ...  
 Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, ...  
C. Xét trên mọi khía cạnh, …  
 Cân nhắc tất cả mọi thứ, …  
D. Ngày càng có nhiều sự quan tâm về ...  
 Có người cho rằng ..., trong khi đó số khác lại cho rằng ...  
**b. Write letters (A-D) in the blanks to match the useful phrases above to their purpose.** (Viết các chữ cái (A-D) vào chỗ trống để nối các cụm từ hữu ích ở trên với mục đích của chúng.)  
1. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: to introduce the topic   
2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: to introduce the first point  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: to add additional ideas  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: to conclude  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. D  
  
  
2. A  
  
  
3. B  
  
  
4. C  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: để giới thiệu chủ đề   
2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: để giới thiệu ý đầu tiên  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: để bổ sung thêm ý  
4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_: để kết luận  
  
**Let’s write (trang 119 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**Now, write an essay discussing the pros and cons of AI and giving your opinion. Use the Writing Skill box, the reading model, and your speaking notes to help you. Write 180-200 words.** (Bây giờ, hãy viết một bài luận thảo luận về ưu và nhược điểm của AI và đưa ra quan điểm của bạn. Sử dụng bảng Kỹ năng Viết, mẫu bài đọc và ghi chú nói để giúp bạn. Viết 180-200 từ.)   
**Gợi ý:**  
There is growing interest in Artificial Intelligence (AI), which offers numerous benefits and also presents significant challenges and concerns. In this essay, I will explore the pros and cons of AI and whether the advantages outweigh the disadvantages.  
There are several reasons why its potential to address pressing humanitarian challenges. AI technologies can be deployed in disaster response efforts to analyze data, predict outcomes, and coordinate emergency responses more effectively. In healthcare delivery, AI-powered tools and systems can improve diagnosis, treatment, and patient care, particularly in underserved communities. Moreover, AI has emerged as a powerful tool for fostering innovation and driving scientific discovery. By processing vast amounts of data and identifying patterns, AI algorithms can uncover insights and trends that may lead to new discoveries and advancements in various fields. From drug discovery and materials science to space exploration and renewable energy, AI-powered technologies hold the promise of unlocking new frontiers and solving complex challenges facing humanity.  
On the other hand, there are also some potential drawbacks of using AI. First, despite its potential benefits, the widespread adoption of AI raises significant ethical concerns related to privacy, bias, accountability, and control. AI algorithms may inadvertently perpetuate or amplify existing biases present in training data, leading to discriminatory outcomes or reinforcing societal inequalities. Second, the rapid development and deployment of AI technologies have implications for the environment, including increased energy consumption, resource depletion, and environmental degradation. Data centers and AI infrastructure require significant amounts of energy to operate, leading to carbon emissions and contributing to climate change.  
In conclusion, the benefits of AI, particularly its potential to address humanitarian challenges and drive innovation, outweigh the drawbacks associated with ethical and environmental concerns. However, it is essential to approach the development and deployment of AI technologies with caution and responsibility.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Ngày càng có nhiều sự quan tâm về Trí tuệ nhân tạo (AI), nó mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng đặt ra những thách thức và mối lo ngại đáng kể. Trong bài viết này, tôi sẽ khám phá những ưu và nhược điểm của AI và liệu ưu điểm có lớn hơn nhược điểm hay không.  
Có một số lý do giải thích tại sao nó có tiềm năng giải quyết những thách thức nhân đạo cấp bách. Công nghệ AI có thể được triển khai trong các nỗ lực ứng phó thảm họa nhằm phân tích dữ liệu, dự đoán kết quả và điều phối các hoạt động ứng phó khẩn cấp hiệu quả hơn. Trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, các công cụ và hệ thống được hỗ trợ bởi AI có thể cải thiện việc chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân, đặc biệt là ở các cộng đồng chưa được phục vụ đầy đủ. Hơn nữa, AI đã nổi lên như một công cụ mạnh mẽ để thúc đẩy đổi mới và thúc đẩy khám phá khoa học. Bằng cách xử lý lượng lớn dữ liệu và xác định các mẫu, thuật toán AI có thể khám phá những hiểu biết và xu hướng có thể dẫn đến những khám phá và tiến bộ mới trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Từ khám phá thuốc và khoa học vật liệu đến khám phá không gian và năng lượng tái tạo, các công nghệ được hỗ trợ bởi AI hứa hẹn sẽ mở ra những chân trời mới và giải quyết những thách thức phức tạp mà nhân loại đang phải đối mặt.  
Mặt khác, việc sử dụng AI cũng có một số hạn chế tiềm ẩn. Đầu tiên, bất chấp những lợi ích tiềm năng của nó, việc áp dụng rộng rãi AI làm tăng những lo ngại đáng kể về mặt đạo đức liên quan đến quyền riêng tư, thành kiến, trách nhiệm giải trình và kiểm soát. Các thuật toán AI có thể vô tình duy trì hoặc khuếch đại những thành kiến hiện có trong dữ liệu đào tạo, dẫn đến kết quả phân biệt đối xử hoặc củng cố sự bất bình đẳng trong xã hội. Thứ hai, sự phát triển và triển khai nhanh chóng các công nghệ AI có tác động đến môi trường, bao gồm tăng mức tiêu thụ năng lượng, cạn kiệt tài nguyên và suy thoái môi trường. Các trung tâm dữ liệu và cơ sở hạ tầng AI đòi hỏi lượng năng lượng đáng kể để hoạt động, dẫn đến phát thải carbon và góp phần gây ra biến đổi khí hậu.  
Tóm lại, lợi ích của AI, đặc biệt là tiềm năng của nó trong việc giải quyết các thách thức nhân đạo và thúc đẩy đổi mới, vượt xa những hạn chế liên quan đến các vấn đề về đạo đức và môi trường. Tuy nhiên, điều cần thiết là phải tiếp cận việc phát triển và triển khai các công nghệ AI một cách thận trọng và có trách nhiệm.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 7: Urbanization  
Unit 8: The Media  
Review 3  
Unit 9: The Green Environment  
Review 4